

BẢNG MÃ LỖI ĐIỀU HÒA

1. MÃ LỖI HỆ THỐNG VRV DAIKIN

- AO** Lỗi do thiết bị báo về bên ngoài Lỗi do bo dàn lạnh
- A1** Lỗi do bo mạch -Thay bo mạch dàn lạnh
- A3** Lỗi do hệ thống điều khiển mực nước xả (33H)
- A6** Một quạt bị hỏng, quạt quá tải (MF)
- A7** Moto đảo gió bị hỏng
- AF** Lỗi mức thoát nước xả dàn lạnh .
- A9** Lỗi van tiết lưu điện tử (20)
- C6** Lỗi do cảm biến nhiệt trao đổi ở dàn lạnh .
- C5** Lỗi do cảm biến nhiệt độ ở dàn trao đổi nhiệt đường ống gió trời
- C9** Lỗi cảm biến nhiệt gió hồi .
- E5** Lỗi do động cơ máy nén Inverter Máy nén Inverter bị kẹt , bị dò điện lỗi cuộn dây .
- * Bị lỗi pha (U,Y,W) .
 - * Lỗi boar biến tần .
 - * Van chặn chưa mở .
 - * Chênh lệch áp suất cao khi khởi động (>0.5 Mpa)
- E6** Lỗi do máy nén thường bị kẹt hoặc bị quá dòng . * Van chặn chưa mở .
- * Dàn nóng giải nhiệt không nổi .
 - * Hơi động cơ bị lỗi .
 - * Hỏng máy nén Inverter .
- Cảm biến dòng bị lỗi .
- E4** Lỗi do sự tác động của cảm biến hạ áp . * Áp suất thấp < 0.05Mpa
- Lỗi cảm biến áp suất thấp .
 - Lỗi bo mạch dàn nóng .
 - Van chặn không mở .

E7 Lỗi ở một quạt dàn nóng* Lỗi kết nối quạt và boar mạch dàn nóng . Quạt bị kẹt . Lỗi moto quạt dàn nóng .

F3 Nhiệt độ đường ống đẩy không bình thường . Lỗi kết nối cảm biến nhiệt độ ống đẩy .

Cảm biến nhiệt độ ống đẩy bị lỗi hay đặt sai vị trí . Lỗi boar mạch dàn nóng .

H7 Tín hiệu từ moto quạt dàn nóng không bình thường Lỗi quạt dàn nóng . Boar Inverter quạt bị lỗi . Dây truyền tín hiệu bị lỗi .

H9 Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ (R1T) Lỗi cảm biến nhiệt độ gió bên ngoài

J2 Lỗi do cảm biến dòng điện Kiểm tra cảm biến dòng điện . Do dàn nóng bị lỗi

J3 Lỗi do cảm biến nhiệt độ đường ống ga đi . Lỗi cảm biến nhiệt độ đường ống đẩy .Lỗi do dàn nóng .Lỗi kết nối của cảm biến nhiệt độ .

C7 Lỗi do cảm biến nhiệt độ Remoter điều khiển . Lỗi do cảm biến nhiệt độ điều khiển Lỗi bo Remoter điều khiển

E1 Lỗi boar mạch Thay bo mạch dàn nóng .

E3 Lỗi do tác động của công tắc áp suất cao Kiểm tra áp suất cao dẫn tới tác động công tắc áp suất cao. Lỗi công tắc áp suất cao . Lỗi boar dàn nóng Lỗi cảm biến áp lực lỏng . Lỗi do mất điện đột ngột

2- Mã lỗi máy lạnh Panasonic Inverter

Mã lỗi máy lạnh Panasonic Inverter

Phương pháp xác định mã lỗi bằng điều khiển (remote control) với dòng máy lạnh treo tường Panasonic Inverter.

Đối với dòng máy lạnh 2 cục Panasonic Inverter, khi máy đang hoạt động nếu gặp sự cố bất thường thì bộ xử lý nằm trên board mạch dàn lạnh sẽ tắt máy và ghi mã lỗi vào bộ nhớ và thông báo bằng cách nhấp nháy đèn TIMER nằm ở góc phải bên dưới dàn lạnh.

- Để xác định hư hỏng, người sử dụng có thể dùng điều khiển (Remote control) để truy vấn mã lỗi đang ghi trên máy lạnh .

Các bước xác định mã lỗi máy lạnh Panasonic Inverter:

Bước 1: Dùng que tăm nhấn và giữ nút CHECK trên điều khiển khoảng 5 giây cho đến khi màn hình trên remote hiển thị dấu “- -”.

Bước 2: Hướng điều khiển (Remote control) về phía dàn lạnh và nhấn nút TIMER “▲” hoặc “▼”. Mỗi lần bạn nhấn nút “▲” hoặc “▼”, màn hình remote sẽ tuần tự hiển thị mã lỗi. Nếu máy lạnh gặp sự cố thì báo đèn POWER trên máy lạnh sẽ chớp một lần và phát tiếng kêu “bíp” liên tục trong 4 giây để xác nhận mã lỗi. Mã lỗi đang hiển thị trên màn hình remote sẽ là lỗi máy lạnh đang gặp .

F Chế độ truy vấn mã lỗi sẽ ngắt khi bạn nhất và giữ nút CHECK trong 5 giây, hoặc nó tự ngắt sau 20 giây nếu bạn không có thêm thao tác .

F Tạm thời xóa lỗi trên máy bằng cách ngắt nguồn cung cấp hoặc nhấn AC RESET trên remote và cho máy lạnh hoạt động để kiểm tra lại (nếu cần).

* Thực hiện lại các bước từ 1 đến 2 như trên . Nếu bộ nhớ chưa từng ghi lỗi, máy sẽ phát tiếng PÍP ở mã lỗi 00H . Nếu mã lỗi trong bộ nhớ và trên Remote control khớp nhau, đèn POWER sẽ sáng trong vòng 30 giây và máy phát ra tiếng PÍP liên tục trong 4 giây .

* Xóa lỗi trong bộ nhớ bằng cách nhấn và giữ nút AUTO ON/OFF trong 5 giây (chức năng TEST RUN) và dùng que tăm nhấn giữ CHECK trong 1 giây .

Bảng mã lỗi máy lạnh Panasonic Inverter

Mã lỗi Ý nghĩa

00H	Bình thường, không bị lỗi
11H	Lỗi đường dữ liệu giữa khối trong và ngoài
12H	Khối trong và ngoài khác công suất
14H	Lỗi cảm biến nhiệt độ phòng
15H	Lỗi cảm biến nhiệt độ máy nén
16H	Dòng điện tải máy nén quá thấp
19H	Lỗi quạt dàn lạnh
23H	Lỗi cảm biến nhiệt độ dàn lạnh
27H	Lỗi cảm biến nhiệt độ ngoài trời

28H	Lỗi cảm biến giàn nóng
30H	Lỗi cảm biến nhiệt độ ống ra của máy nén (CU- ãããããã)
33H	Lỗi kết nối khối trong và ngoài
38H	Khối trong và ngoài không đồng bộ
58H	Lỗi mạch PATROL
59H	Lỗi ECO PATROL
97H	Lỗi khối ngoài trời (CU-S18xx/S24xx)
98H	Nhiệt độ giàn trong nhà quá cao (Chế độ sưởi ấm)*
99H	Nhiệt độ dàn lạnh giảm quá thấp (đóng băng)
11F	Lỗi chuyển đổi chế độ Lạnh/Sưởi ấm
90F	Lỗi trên mạch PFC ra máy nén
91F	Dòng tải máy nén quá thấp
93F	Lỗi tốc độ quay máy nén
95F	Nhiệt độ dàn nóng quá cao
96F	Quá nhiệt bộ transistor công suất máy nén (IPM)
97F	Nhiệt độ máy nén quá cao
98F	Dòng tải máy nén quá cao
99F	Xung DC ra máy nén quá cao
25H	Mạch E-on lỗi
21H	Chưa sử dụng
24H	Chưa sử dụng
26H	chưa sử dụng

31H	Chưa sử dụng
32H	Chưa sử dụng
34H	Chưa sử dụng
35H	Chưa sử dụng
36H	Chưa sử dụng
37H	Chưa sử dụng
39H	Chưa sử dụng
41H	Chưa sử dụng
50H	Chưa sử dụng
51H	Chưa sử dụng
52H	Chưa sử dụng
16F	Chưa sử dụng
17F	Chưa sử dụng
18F	Chưa sử dụng

1) Giao diện giữa 2 dàn Erro

- Test code erro 11h
- When Power on, cánh vẫy mở ra, Fan có quay, apter 1 phút then báo lỗi orrange led nhấp nháy.

1a) Opto TX dữ liệu từ trong nhà đến ngoài trời Erro sau đó điện áp dây đỏ so với dây trắng dao động từ 45 đến 50VDC

1b) Opto TX Data from Outdoor to Indoor Erro then dây data (red so với white) có gần 3VDC và không dao động.

1c) Opto RX Data trên dàn nóng Erro thì đường Data vẫn có dao động 25 đến 30 VDC và vẫn lỗi sau 1 phút

2) Khi bật công tắc Power trên Remote, Rơ le cấp điện cho dàn nóng đóng ngay, sau khoảng 10 giây thì dàn nóng chạy.

3) When Interface giữa 2 dàn good then line data có điện áp dao động từ 25 to 30VDC

4) Khi cắm điện nhưng không bật nguồn thì dàn ngoài không được cấp điện, role không đóng.

5) Đứt Room TH thì báo lỗi sau 5 giây, Room TH có 12K ở 30 độ C, áp 2 đầu có 2VDC.

6) Khi Room TH tăng trị số đến 100K thì điện áp 2 đầu của nó có 4,5V, máy chạy được 3 phút thì lốc ngắt, quạt nóng chạy thêm 1 phút thì ngắt, quạt dàn lạnh vẫn chạy, máy không báo lỗi.

7) Đứt Indoor TH thì báo lỗi sau 5 giây, lỗi H23, ở 30 độ C Indoor TH có 14K, điện áp 2 đầu sensor là 1,8V lúc máy mới cắm điện.

8) Quạt lạnh không chạy thì máy báo lỗi sau 1 phút 15 giây, lỗi H19

9) Tháo Indoor TH ra khỏi dàn, giống Sensor lỗi trở kháng không thay đổi hoặc dàn không giảm nhiệt => Comperesor Run 7 phút thì stop, quạt lạnh vẫn chạy tiếp, máy không báo lỗi.

- 10) Opto truyền tín hiệu FB từ Motor FAN về ECU lỗi thì quạt quay hết tốc độ lại nghỉ lại quay hết tốc độ lại nghỉ, lặp đi lặp lại sau 1 phút 15 giây thì máy báo lỗi, lỗi H19.
- 11) Opto điều khiển tốc độ quạt thì quạt quay tốc độ tối đa, nếu opto đứt thì quạt không quay.
- 12) Sensor Compresor đứt, máy vẫn chạy không báo lỗi.
- 13) Sensor Outdoor TH có 3,8K ở 30 độ C và có 5,5K ở 24 độ C- khi đứt máy chạy sau 2 phút 20 giây thì báo lỗi (H28), quạt dàn nóng quay rồi tắt ngay, lốc không chạy.
- 14) Sensor theo dõi không khí trên dàn nóng có 12K ở 30 độ C và có 15K ở 24 độ C, khi đứt máy có hiện tượng như đứt sensor outdoor th.
- 15) Khi Sensor theo dõi không khí dàn nóng tăng trị số đến 100K thì máy chạy nhưng quạt nóng không chạy, lốc không chạy, quạt lạnh trong nhà vẫn chạy.
- 16) Như phần 15 nhưng Sensor chỉ tăng trị số đến 30K thì máy vẫn chạy bình thường.
- 17) Sensor theo dõi nhiệt dàn nóng tăng thêm 30K thì máy vẫn chạy bình thường.
- 18) When Compresor run, đo điện áp hai đầu tụ lọc cấp cho IC công suất chỉ còn 200V nhưng AC đầu cầu đi ô tô vẫn có 210V, khi lốc nghỉ điện áp này tăng lên đủ 300VDC.
- 19) When ECU outdoor not run, line data chỉ có 2,5V DC và không dao động, dàn lạnh quạt vẫn chạy, máy báo lỗi

- sau 1 phút, khi tắt điều khiển thì kêu 4 tiếng bíp, vẫn bật lại được.
- 20) Khi chạy dòng tiêu thụ ở dàn ngoài tăng dần từ 0,5A và tăng dần đến 5A
 - 21) Trở kháng trên mỗi cuộn dây của Compresor là 3,5 ôm và cân bằng.
 - 22) Thạch anh dao động trên ECU dàn nóng bị chết thì như bệnh 19
 - 23) Ngắt điện 200V cấp cho IC công suất Control Compresor then Hot Fan vẫn chạy, trên dàn lạnh vẫn chạy và sau 8 phút 30 giây mới báo lỗi, tắt đèn báo nguồn, bật điều khiển từ xa lại lên.
 - 24) Đánh chap 1 tín hiệu control IC Compresor xuống mass then Compresor not run nhưng quạt nóng chạy được 38 giây rồi tắt, dòng bên dàn nóng khoảng 0,23A.
 - 25) Mất 5V cấp cho EEPROM thì ECU trên dàn nóng không chạy, máy sinh lỗi mất giao tiếp line Data có 2,5V and no dao động.
 - 26) Hot Fan Not Run then máy chạy sau 2 phút 50 giây Compresor stop đến 5 phút 30 giây lại chạy tiếp, máy không báo lỗi.
 - 27) Rút dây ra khỏi Comperesor then sau bật nguồn 7 giây là có điện ra lốc nhưng sau 20 second then stop, Hot Fan vẫn quay sau 50 second then stop, sau 3 phút 20 giây cả Hot Fan and Comperesor lại chạy ...

3-Bảng lỗi, mã lỗi của máy lạnh Daikin Inverter.

Bảng lỗi, mã lỗi của máy lạnh Daikin Inverter.

-cách truy vấn mã lỗi cho máy daikin:

bấm giữ nút CANCEL cho tới khi điều khiển hiện dấu _ _ thì nhả ra. tiếp tục bấm tới khi điều hòa có tiếng bíp dài. lúc này trên màn hình điều khiển báo nổi gì. thì đó là lỗi của máy lạnh mắc phải

Để người sử dụng nắm rõ hơn thông tin và cách xử lý những lỗi thường gặp của máy lạnh DAIKIN Inverter chúng tôi đưa ra những lỗi, mã lỗi thường gặp của máy lạnh DAIKIN Inverter để có cách xử lý thích hợp:

B1 : NHẤN GIỮ NÚT CANCEL TRÊN REMOTE KHOẢNG 15 GIÂY , MÀN HÌNH REMOT SẼ HIỆN LÊN BẢNG MÃ LỖI .

B2 : NHẤN TIẾP NÚT LÊN XUỐNG NHIỆT ĐỘ ĐỂ KIỂM TRA

B3 : KHI NGHE TIẾNG ” TÍT TÍT ” KÉO DÀI Ở LỖI NÀO THÌ MÁY SẼ BỊ LỖI ĐÓ

BẢNG MÃ LỖI CỦA MÁY LẠNH DAIKIN

A0: Lỗi của thiết bị bảo vệ bên ngoài.

- Kiểm tra lại cài đặt và thiết bị kết nối bên ngoài
- Thiết bị không tương thích
- Lỗi bo dàn lạnh

A1: Lỗi ở board mạch

- Thay bo dàn lạnh

A3: Lỗi ở hệ thống điều khiển mức nước xả(33H).

- Điện không được cung cấp

- Kiểm tra công tắc phao.

- Kiểm tra bơm nước xả

- Kiểm tra đường ống nước xả có đảm bảo độ dốc không

- Lỗi bo dàn lạnh

- Lỏng dây kết nối

A6: Motor quạt (MF) bị hỏng, quá tải.

- Thay mô tơ quạt

- Lỗi kết nối dây giữa mô tơ quạt và bo dàn lạnh

A7: Motor cánh đảo gió bị lỗi

- Kiểm tra mô tơ cánh đảo gió

- Cánh đảo gió bị kẹt

- Lỗi kết nối dây mô tơ Swing

- Lỗi bo dàn lạnh

A9: Lỗi van tiết lưu điện tử (20E).

- Kiểm tra cuộn dây van tiết lưu điện tử, thân van

- Kết nối dây bị lỗi

- Lỗi bo dàn lạnh

AF: Lỗi mực thoát nước xả dàn lạnh

- Kiểm tra đường ống thoát nước,

- PCB dàn lạnh.

- Bộ phụ kiện tùy chọn (độ ẩm) bị lỗi

C4: Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ(R2T) ở dàn trao đổi nhiệt

- Kiểm tra cảm biến nhiệt độ đường ống gas lỏng

- Lỗi bo dàn lạnh

C5: Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ (R3T) đường ống gas hơi.

- Kiểm tra cảm biến nhiệt độ đường ống ga hơi

- Lỗi bo dàn lạnh

C9: Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ (R1T) gió hồi .

- Kiểm tra cảm biến nhiệt độ gió hồi

- Lỗi bo dàn lạnh.

CJ: Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ trên remote điều khiển.

- Lỗi cảm biến nhiệt độ của điều khiển

- Lỗi bo remote điều khiển

E1: Lỗi của board mạch.

- Thay bo mạch dàn nóng

E3: Lỗi do sự tác động của công tắc cao áp.

- Kiểm tra áp suất cao dẫn tới tác động của công tắc áp suất cao

- Lỗi công tắc áp suất cao

- Lỗi bo dàn nóng

- Lỗi cảm biến áp lực cao

- Lỗi tức thời – như do mất điện đột ngột

E4: Lỗi do sự tác động của cảm biến hạ áp.

- Áp suất thấp bất thường(<0,07Mpa)

- Lỗi cảm biến áp suất thấp.

- Lỗi bo dàn nóng.

- Van chặn không được mở

E5: Lỗi do động cơ máy nén inverter

- Máy nén inverter bị kẹt, bị dò điện, bị lỗi cuộn dây.

- Dây chân lock bị sai (U,V,W)

- Lỗi bo biến tần

- Van chặn chưa mở.

- Chênh lệch áp lực cao khi khởi động(>0.5Mpa)

E6: Lỗi do máy nén thường bị kẹt hoặc bị quá dòng.

- Van chặn chưa mở.

- Dàn nóng không giải nhiệt tốt

- Điện áp cấp không đúng

- Khởi động từ bị lỗi

- Hỏng máy nén thường

- Cảm biến dòng bị lỗi

E7: Lỗi ở mô tơ quạt dàn nóng.

- Lỗi kết nối quạt và bo dàn nóng

- Quạt bị kẹt

- Lỗi mô tơ quạt dàn nóng

- Lỗi bo biến tần quạt dàn nóng

F3: Nhiệt độ đường ống đẩy không bình thường.

- Lỗi kết nối của cảm biến nhiệt độ ống đẩy.

- Cảm biến nhiệt độ ống đẩy bị lỗi hoặc sai vị trí

- Lỗi bo dàn nóng

H7: Tín hiệu từ mô tơ quạt dàn nóng không bình thường.

- Lỗi quạt dàn nóng

- Bo Inverter quạt lỗi

- Dây truyền tín hiệu lỗi

H9: Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ (R1T) gió bên ngoài.

- Kiểm tra cảm biến nhiệt độ gió ra dàn nóng bị lỗi

- Lỗi bo dàn nóng

J2: Lỗi ở đầu cảm biến dòng điện.

- Kiểm tra cảm biến dòng bị lỗi

- Bo dàn nóng bị lỗi

J3: Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ đường ống gas đi (R31T~R33T).

- Lỗi cảm biến nhiệt độ ống đẩy

- Lỗi bo dàn nóng

- Lỗi kết nối của cảm biến nhiệt độ

J5: Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ (R2T) đường ống gas về.

- Lỗi cảm biến nhiệt độ ống hút

- Lỗi bo dàn nóng

- Lỗi kết nối của cảm biến nhiệt độ

J9: Lỗi cảm biến độ quá lạnh(R5T)

- Lỗi cảm biến độ quá lạnh R5T

- Lỗi bo dàn nóng

JA: Lỗi ở đầu cảm biến áp suất đường ống gas đi.

- Lỗi cảm biến áp suất cao

- Lỗi bo dàn nóng

- Lỗi kết nối của cảm biến nhiệt độ hoặc vị trí sai

JC: Lỗi ở đầu cảm biến áp suất đường ống gas về.

- Lỗi cảm biến áp suất thấp

- Lỗi bo dàn nóng

- Lỗi kết nối của cảm biến nhiệt độ hoặc vị trí sai

L4: Lỗi do nhiệt độ cánh tản nhiệt bộ biến tần tăng.

- Nhiệt độ cánh tản nhiệt tăng cao ($\geq 93^{\circ}\text{C}$)

- Lỗi bo mạch

- Lỗi cảm biến nhiệt độ cánh tản nhiệt

L5: Máy nén biến tần bất thường

- Hư cuộn dây máy nén Inverter

- Lỗi khởi động máy nén

- Bo Inverter bị lỗi

L8: Lỗi do dòng biến tần không bình thường.

- Máy nén Inverter quá tải

- Lỗi bo Inverter

- Máy nén hỏng cuộn dây(dò điện, dây chân lock...)

- Máy nén bị lỗi

L9: Lỗi do sự khởi động máy nén biến tần.

- Lỗi máy nén Inverter

- Lỗi dây kết nối sai(U,V,W,N)

- Không đảm bảo chênh lệch áp suất cao áp và hạ áp khi khởi động

- Van chặn chưa mở

- Lỗi bo Inverter

LC: Lỗi do tín hiệu giữa bo Inverter và bo điều khiển

- Lỗi do kết nối giữa bo Inverter và bo điều khiển dàn nóng

- Lỗi bo điều khiển dàn nóng

- Lỗi bo Inverter

- Lỗi bộ lọc nhiễu

- Lỗi quạt Inverter

- Kết nối quạt không đúng

- Lỗi máy nén

- Lỗi mô tơ quạt

P4: Lỗi cảm biến tăng nhiệt độ cánh tản nhiệt Inverter

- Lỗi cảm biến nhiệt độ cánh tản nhiệt

- Lỗi bo Inverter

PJ: Lỗi cài đặt công suất dàn nóng

- Chưa cài đặt công suất dàn nóng

- Cài đặt sai công suất dàn nóng khi thay thế bo dàn nóng

U0: Cảnh báo thiếu ga

- Thiếu ga hoặc ngẹt ống ga (lỗi thi công đường ống)

- Lỗi cảm biến nhiệt (R4T, R7T)

- Lỗi cảm biến áp suất thấp

- Lỗi bo dàn nóng

U1: Ngược pha, mất pha

- Nguồn cấp bị ngược pha

- Nguồn cấp bị mất pha

- Lỗi bo dàn nóng

U2: Không đủ điện áp nguồn hoặc bị tụt áp nhanh.

- Nguồn điện cấp không đủ
- Lỗi nguồn tức thời
- Mất pha
- Lỗi bo Inverter
- Lỗi bo điều khiển dàn nóng
- Lỗi dây ở mạch chính
- Lỗi máy nén
- Lỗi mô tơ quạt
- Lỗi dây truyền tín hiệu

U3: Lỗi do sự vận hành kiểm tra không được thực hiện.

- Chạy kiểm tra lại hệ thống

U4: Lỗi do đường truyền tín hiệu giữa dàn lạnh và dàn nóng

- Dây giữa dàn lạnh-dàn nóng, dàn nóng-dàn nóng bị đứt, ngắn mạch hoặc đấu sai (F1,F2)
- Nguồn dàn nóng bị mất
- Hệ thống địa chỉ không phù hợp
- Lỗi bo dàn nóng

U5: Lỗi do đường truyền tín hiệu giữa dàn lạnh và remote.

- Kiểm tra đường truyền giữa dàn lạnh và remote
- Kiểm tra lại cài đặt nếu 1 dàn lạnh sử dụng 2 remote
- Lỗi bo remote
- Lỗi bo dàn lạnh
- Lỗi có thể xảy ra do nhiễu

U7: Lỗi truyền tín hiệu giữa các dàn nóng

- Kiểm tra kết nối giữa dàn nóng và Adapter điều khiển C/H

- Kiểm tra dây tín hiệu giữa dàn nóng với dàn nóng
- Kiểm tra bo mạch dàn nóng
- Lỗi Adapter điều khiển Cool/Heat
- Adapter điều khiển Cool/Heat không tương thích
- Địa chỉ không đúng(dàn nóng và Adapter điều khiển C/H)

U8: Lỗi đường truyền tín hiệu giữa các remote “M” và “S”.

- Kiểm tra lại dây truyền tín hiệu giữa remote chính và phụ
- Lỗi bo remote
- Lỗi kết nối điều khiển phụ

U9: Lỗi do đường truyền tín hiệu giữa các dàn lạnh và dàn nóng trong cùng một hệ thống.

- Kiểm tra lại Dây truyền tín hiệu bên trong và bên ngoài hệ thống
- Kiểm tra lại van tiết lưu điện tử trên dàn lạnh của hệ thống
- Lỗi bo dàn lạnh của hệ thống
- Lỗi kết nối giữa dàn nóng và dàn lạnh

UA: Lỗi do vượt quá số dàn lạnh, v.v...

- Kiểm tra lại số lượng dàn lạnh
- Lỗi bo dàn nóng
- Không tương thích giữa dàn nóng và dàn lạnh
- Không cài đặt lại bo dàn nóng khi tiến hành thay thế
- Trùng lặp địa chỉ ở remote trung tâm.
- Kiểm tra lại địa chỉ của hệ thống và cài đặt lại

UE: Lỗi do đường truyền tín hiệu giữa remote điều khiển trung tâm và dàn lạnh.

- Kiểm tra tín hiệu giữa dàn lạnh và điều khiển trung tâm

- Lỗi truyền tín hiệu của điều khiển chủ (master)
- Lỗi bo điều khiển trung tâm
- Lỗi bo dàn lạnh

UF: Hệ thống lạnh chưa được lắp đúng, không tương thích dây điều khiển / đường ống gas.

- Kiểm tra tín hiệu giữa dàn lạnh và dàn nóng
- Lỗi bo dàn lạnh
- Van chặn chưa mở
- Không thực hiện chạy kiểm tra hệ thống

UH: Sự cố về hệ thống, địa chỉ hệ thống gas không xác định

- Kiểm tra tín hiệu dàn nóng-dàn lạnh, dàn nóng-dàn nóng
- Lỗi bo dàn lạnh
- Lỗi bo dàn nóng

1) Indoor and outdoor interface error (Giao diện trong nhà và ngoài trời Error)- error xuất hiện sau khi bật nguồn 9 second, error U4, không có tiếng lạnh cách phát ra từ van tiết lưu, cánh vẫy mở ra rồi khép lại.

2) Dàn lạnh hỏng các linh kiện nhận xung nhưng vẫn phát xung đi nên dây data vẫn có áp dao động như bình thường.

3) Các linh kiện trên đường TX Data dàn lạnh Bad then Line Data have điện áp dao động từ 45 đến 50V

4) Khi nhấp IC Kiểm Compressor, khi cấp nguồn, đèn nguồn nhấp nháy, máy phát ra tiếng bíp liên tục.

5) Nếu IC máy nén không được cấp nguồn thì quạt nóng chạy được 1 phút thì dừng lại, máy không báo lỗi.

6) Nếu quạt nóng không chạy thì máy nén chạy sau 1 phút thì dừng lại, máy không báo lỗi.

7) 1 in 5 sensor of magin bad, đứt or chập then máy báo lỗi sau 5 giây.

8) Trở kháng các cuộn dây của máy nén là 1,2 ôm và bằng nhau

9) Trở kháng cuộn van đảo chiều là khoảng 1,4K ôm

10) Trở kháng cuộn van tiết lưu khoảng 48 ôm và có 4 cuộn đấu hình sao

11) Trở kháng cuộn dây quạt nóng (quạt DC) là 14 ôm

4-Mã lỗi máy lạnh Midea / Reetech

Mã lỗi máy lạnh Midea / Reetech

Mã lỗi Chuẩn đoán

E0: EEPROM lỗi thông số

E1: trong nhà / ngoài trời bảo vệ các đơn vị truyền thông

E2: sensor đồng dàn lạnh 10k chết

E5: mở hoặc ngắn mạch của cảm biến temprature ngoài trời

E6: mở hoặc ngắn mạch của cảm biến temprature trong nhà

P0: Inverter mô-đun quá mạnh mẽ bảo vệ hiện tại

P1: Trong điện áp hoặc bảo vệ điện áp quá thấp

P2: temprature bảo vệ máy nén dừng lại.

P4: Inverter lỗi ổ đĩa né

5- Mã lỗi máy lạnh Daikin âm trần

Mã lỗi máy lạnh Daikin âm trần

Chuẩn đoán sự cố máy lạnh Daikin âm trần bằng mã lỗi

Mã lỗi	Lỗi chức năng / Ghi chú
A1	Hỏng PCB dàn lạnh
A3	Mức nước xả bất thường
A6	Động cơ quạt dàn lạnh quá tải, quá dòng hoặc bị kẹt
AF	Hỏng thiết bị tạo ẩm
AH	Chỉ bộ vệ sinh không khí không phải là bộ phận chức năng
AJ	Cài đặt công suất không phù hợp
	Dữ liệu công suất được cài đặt trước sai. Hoặc không được lập trình trong IC lưu dữ liệu

C4	Cảm biến nhiệt độ dàn trao đổi nhiệt bị hỏng
C9	Cảm biến nhiệt độ gió hồi bị hỏng
P3	Hỏng cảm biến nhiệt độ PCB (Dàn nóng)
P4	Hỏng cảm biến cánh tản nhiệt (dàn nóng)
PJ	Cài đặt công suất không phù hợp (dàn nóng). Sử dụng công suất được cài đặt trước
	hoặc không được lập trình trong IC dữ liệu
U0	Nhiệt độ ống hút bất thường
U1	Ngược pha
	Ngược pha hai trong số các dây dẫn chính L1, L2, L3
U2	Điện nguồn bất thường (LƯU Ý 3)
	Bao gồm lỗi trong 52C
U4 UF	Lỗi đường truyền tín hiệu (dàn lạnh - dàn nóng)

	Đầu dây sai giữa dàn nóng và dàn lạnh hoặc hư PCB của dàn nóng, dàn lạnh
	Nếu ký hiệu UF hiển thị, dây dẫn giữa dàn nóng và dàn lạnh bị đấu nối sai. Do đó, ngay lập tức ngắt nguồn điện và đấu nối lại cho đúng
	(Máy nén và quạt dàn nóng có thể khởi động độc lập với hoạt động của bộ ĐK từ xa)
CJ	Cảm biến bộ điều khiển từ xa bị hỏng
	Cảm biến nhiệt của bộ điều khiển từ xa không hoạt động nhưng máy vẫn có thể chạy
E0	Thiết bị an toàn tác động (dàn nóng)
E1	Hỏng PCB của dàn nóng
E3	Áp suất cao bất thường (dàn nóng)
E4	Áp suất thấp bất thường (dàn nóng)
E5	Động cơ máy nén bị lỗi, bị kẹt cơ

E7	Động cơ quạt dàn nóng bị lỗi, bị kẹt cơ
	Quá dòng tức thời động cơ quạt dàn nóng
E9	Hỏng van tiết lưu điện tử (dàn nóng)
F3	Nhiệt độ ống đẩy bất thường (dàn nóng)
H3	Hỏng công tắc áp suất cao (dàn nóng)
H4	Hỏng công tắc áp suất thấp (dàn nóng)
H7	Hỏng tín hiệu xác định động cơ dàn nóng
H9	Hỏng cảm biến nhiệt độ ngoài trời (dàn nóng)
	LƯU Ý 3
J3	Hỏng cảm biến nhiệt độ ống đẩy (dàn nóng)
	LƯU Ý 3
J5	Hỏng cảm biến nhiệt ống hút (dàn nóng)
J6	Hỏng cảm biến nhiệt dàn tro đổi nhiệt (dàn nóng)

	LƯU Ý 3
L4	Cánh tản nhiệt bị quá nhiệt (dàn nóng)
	Hỏng chức năng làm mát bộ biến tần
L5	Quá dòng tức thời (dàn nóng)
	Hỏng nối đất hoặc ngắn mạch trong động cơ máy nén
L8	Nhiệt điện trở (dàn nóng)
	Quá tải điện hoặc đứt dây trong động cơ máy nén
L9	Ngăn chặn dừng đột ngột (dàn nóng)
	Máy nén có thể bị kẹt
LC	Lỗi truyền tín hiệu giữa các bộ biến tần điều khiển dàn nóng
P1	Mất pha hở (dàn nóng)
U5	Lỗi truyền tín hiệu (dàn lạnh - bộ điều khiển từ

	xa)
	Tín hiệu truyền sai giữa dàn lạnh và bộ điều khiển từ xa
U8	Lỗi đường truyền giữa bộ điều khiển từ xa chính và phụ (lỗi bộ ĐK từ xa phụ)
UA	Lỗi cài đặt hệ thống Multi
	Cài đặt sai đối với công tắc lựa chọn hệ thống (xem công tắc SS2 trên PCB của thiết bị)
UC	Địa chỉ điều khiển trung tâm bị trùng lặp

6- Bảng mã lỗi máy lạnh Mitsubishi Heavy Inverter

Bảng mã lỗi máy lạnh Mitsubishi Heavy Inverter.

Áp dụng cho các model:

Loại 1 chiều : **SRK1YJ-S ;SRK1YJ-S ;SRK18YJ-S**

Loại 2 chiều sườn : **SRK25ZJ-S ;SRK35ZJ-S ;SRK50ZJ-S ;SRK63ZE-S1;SRC71ZE-S1**

Máy sẽ hoạt động khi khởi động bằng REMOTE trong 3 phút sau khi ngừng vận hành.

HIỂN THỊ TRÊN DÀN LẠNH		MÔ TẢ SỰ CÓ	NGUYÊN NHÂN	ĐIỀU KIỆN HIỂN THỊ (chớp đèn)
ĐÈN RUN	ĐÈN TIMER			
CHỚP 1 LẦN	ON	LỖI SENSOR CẤP DÀN LẠNH	*Sen sor đứt ,kết nối không tốt . *Boar dàn lạnh hư .	*Khi sensor dàn lạnh bị đứt xác định trong lúc ngừng vận hành (Nếu nhiệt độ xác nhận dưới -20độ C trong vòng 15 giây thì nó được coi

				nư đứt dây sensor) .
CHỚP 2 LẦN	ON	LỖI SENSOR NHIỆT ĐỘ PHÒNG	*Sen sor đứt ,kết nối không tốt . *Boar dàn lạnh hư .	*Khi sensor dàn lạnh bị đứt xác định trong lúc ngừng vận hành (Nếu nhiệt độ xác nhận dưới -20độ C trong vòng 15 giây thì nó được coi như đứt dây sensor) .
CHỚP 6 LẦN	ON	LỖI MOTOR DÀN LẠNH	*Motor quạt hư ,kết nối không tốt	*Khi máy đang hoạt động ,nếu tốc độ motor quạt là 300 rpm hoặc thấp hơn 30 giây hay lâu hơn.(máy ngừng hoạt động) .
CHỚP LIÊN TỤC	CHỚP 1 LẦN	LỖI SENSOR VÀO DÀN NÓNG	*Sensor đứt , kết nối không tốt *Boar dàn nóng hư .	*Khi sensor gió vào dàn nóng bị đứt được xác định trong lúc đã ngừng vận hành .(Nếu nhiệt độ xác định dưới < -40 độ C trong

				15 giây thì được coi như đứt dây sensor) . (Máy ngừng hoạt động) .
CHỚP LIÊN TỤC	CHỚP 2 LẦN	LỖI SENSOR CẤP DÀN NÓNG	*Sensor đứt , kết nối không tốt *Boar dàn nóng hư .	*Khi sensor cấp dàn nóng bị đứt được xác định trong lúc đã ngừng vận hành .(Nếu nhiệt độ xác định dưới < - 50 độ C trong 15 giây thì được coi như đứt dây sensor) . (Máy ngừng hoạt động) .
CHỚP LIÊN TỤC	CHỚP 4 LẦN	LỖI SENSOR ĐUỒNG NÉN	*Sensor đứt , kết nối không tốt *Boar dàn nóng hư .	*Khi trạng thái Sensor được xác định là đứt trong vòng 15 giây hoặc lâu hơn (Thấp hơn 7 độ C).Sau khi máy nén vận hành được 9 phút .(Máy nén dừng hoạt động) .

ON	CHỚP 1 LẦN	BẢO VỆ NGẮT DÒNG	*Máy nén bị kẹt cơ , mất pha ra máy , chạm POWER TRANSTOR *Van dịch vụ chưa mở .	*Dòng xuất ra máy nén vượt quá trị giá cài đặt trong lúc máy nén khởi động . *(Máy dừng hoạt động)
ON	CHỚP 2 LẦN	SỰ CỐ NGOÀI DÀN NÓNG	*Hư cuộn dây máy nén . *Máy kẹt cơ .	*Khi máy ngừng vận hành khẩn cấp do sự cố ở dàn nóng hoặc do đầu vào có giá trị thấp hơn cài đặt . *(Máy ngừng hoạt động)
ON	CHỚP 3 LẦN	BẢO VỆ AN TOÀN DÒNG	*Bảo vệ quá tải . *Dư ga *Máy nén kẹt cơ	*Khi tốc độ máy nén thấp hơn giá trị cài đặt và chức năng bảo vệ an toàn dòng hoạt động . *(Máy dừng hoạt động).
ON	CHỚP 4 LẦN	LỖI POWER TRANSISTOR	*Hư Power transistor .	*Khi máy ngừng vận hành khẩn cấp do sự cố ở

				dàn nóng , hoặc do đầu vào có giá trị thấp hơn giá trị cài đặt .Liên tục trong vòng 3 phút hoặc lâu hơn . *(Máy dừng hoạt động) .
ON	CHÓP 5 LẦN	QUÁ NHIỆT MÁY NÉN	*Thiếu ga, hư Sensor đường đẩy. *Van dịch vụ chưa mở .	*Khi giá trị điện trở Sensor đường nén vượt quá giá trị cài đặt . *(Máy dừng hoạt động) .
ON	CHÓP 6 LẦN	LỖI TRUYỀN TÍN HIỆU	*Lỗi nguồn hồng dây tín hiệu . *Hư boar mạch dàn lạnh .	*Khi có tín hiệu giữa boar mạch dàn lạnh và boar mạch dàn nóng lâu hơn 10 giây .(Đang có nguồn) hoặc khi không có tín hiệu lâu hơn 1 phút 55 giây(Máy đang hoạt động) .

				*(máy dừng hoạt động) .
ON	CHÓP 7 LẦN	LỖI MOTOR QUẠT DÀN NÓNG	*Lỗi nguồn ,hồng dây tín hiệu ,hư boar mạch nóng/lạnh .	*Khi tốc độ quạt dàn nóng thấp hơn 75 rpm *Khi tốc độ quạt dàn nóng thấp hơn 75 rpm kéo dài trong 30 giây hoặc lâu hơn >(3Lần). *(Máy dừng hoạt động)
CHÓP 2 LẦN	CHÓP 2 LẦN	KẾT CỐ	*Hư máy nén . *Mất pha máy nén . *Hư bả dàn nóng .	*Vị trí cực nam châm của máy nén sai lệch khi máy nén khởi động . *(Máy nén dừng hoạt động) .
CHÓP 5 LẦN	ON	LỖI LỌC ĐIỆN ÁP	*Hư bộ lọc điện áp .	*Khi nguồn cấp không đúng . *Khi boar mạch dàn nóng hư .

7- Bảng mã lỗi máy lạnh Samsung

Bảng mã lỗi máy lạnh Samsung

Mã lỗi: E1

- Giải thích và kiểm tra điểm = dàn lạnh nhiệt điện trở phòng lỗi - Mở hoặc đóng mạch - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Operation = Yes Hoạt động = Có

Flashing Display Timer = Yes Màn hình nhấp nháy Timer = Có

Mã lỗi: E2

- Giải thích và kiểm tra điểm = dàn lạnh ống nhiệt điện trở lỗi - - Open hay bị đóng mạch - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Operation = Hoạt động

Flashing Display Timer = Màn hình nhấp nháy Timer = Turbo = Yes Turbo = Có

Mã lỗi: E3

- Giải thích và kiểm tra điểm = dàn lạnh quạt trục trực động cơ - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Operation = Hoạt động

Flashing Display Timer = Yes Màn hình nhấp nháy Timer = Có

Turbo = Yes Turbo = Có

Mã lỗi: E6

- Giải thích và kiểm tra điểm = EPROM lỗi - Kiểm tra và thay thế nếu cần PCB

Operation = Yes Hoạt động = Có

Flashing Display Timer = Yes Màn hình nhấp nháy Timer = Có

Turbo = Yes Turbo = Có

LED Display = Flashing LED hiển thị = Flashing

- Giải thích và kiểm tra điểm = Tùy chọn mã lỗi - Kiểm tra và mã mới đầu vào tùy chọn này nếu cần thiết thông qua điều khiển từ xa không dây

Operation = Yes Hoạt động = Có

Flashing Display Timer = Màn hình nhấp nháy Timer = Turbo = Yes Turbo = Có

LED Display = LED hiển thị =

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị nhiệt độ cảm biến - Mở hoặc đóng mạch - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Outdoor Unit Đơn vị ngoài trời

Mã lỗi: Er - E1

- Giải thích và kiểm tra điểm = phòng đơn vị cảm biến nhiệt độ trong nhà lỗi (mở / tắt) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - E5

- Giải thích và kiểm tra điểm = trong nhà trao đổi nhiệt đơn vị ra lỗi cảm biến nhiệt độ (mở / tắt) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 05

- Giải thích và kiểm tra điểm = trong nhà trao đổi nhiệt đơn vị do lỗi cảm biến nhiệt độ (mở / tắt) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 06

- Giải thích và kiểm tra điểm = EPROM lỗi - Kiểm tra và thay thế nếu cần PCB

Mã lỗi: Er - 09

- Giải thích và kiểm tra điểm = Tùy chọn mã lỗi - Kiểm tra và mã mới đầu vào tùy chọn này nếu cần thiết thông qua điều khiển từ xa không dây

Mã lỗi: E3 - 01

- Giải thích và kiểm tra điểm = trong nhà có động cơ trực trực Fan hâm mộ và cấp - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 01

- Giải thích và kiểm tra điểm = Thông báo lỗi giữa các đơn vị trong nhà và đơn vị ngoài trời

Mã lỗi: Er - 11

- Giải thích và kiểm tra điểm = bất thường gia tăng hoạt động hiện tại

Mã lỗi: Er - 12

- Giải thích và kiểm tra điểm = bất thường tăng nhiệt độ OLP

Mã lỗi: Er - 13

- Giải thích và kiểm tra điểm = bất thường gia tăng của nhiệt độ xả

Mã lỗi: Er - 14

- Giải thích và kiểm tra điểm = Trong hiện tại của Comp mạch IPM. Fan Quạt

Mã lỗi: Er - 15

- Giải thích và kiểm tra điểm = bất thường gia tăng của nhiệt độ tản nhiệt cổ động

Mã lỗi: Er - 10

- Giải thích và kiểm tra điểm = BLCD nén bắt đầu lỗi Comp. PCB, Comp wire PCB, Comp dây

Mã lỗi: Er - E6

- Giải thích và kiểm tra điểm = deice temp-cảm biến - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 31

- Kiểm tra điểm = ngoài trời nhiệt độ Giải thích và cảm biến - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 32

- Giải thích và kiểm tra điểm = xả temp-cảm biến - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 33

- Giải thích và kiểm tra điểm = xả temp-cảm biến - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 17

- Giải thích và kiểm tra điểm = Thông báo lỗi từ 2 micom trên PCB ngoài trời

Mã lỗi: Er - 36

- Giải thích và kiểm tra điểm = hiện tại cảm biến lỗi PCB - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 37

- Giải thích và kiểm tra điểm = tản nhiệt, cảm biến nhiệt độ lỗi PCB - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: Er - 38

- Giải thích và kiểm tra điểm = Điện áp cảm biến lỗi - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Inverter Unit Đơn vị Inverter**Mã lỗi: E1 01**

- Giải thích và kiểm tra điểm = Thông báo lỗi (trong nhà máy không thể nhận được dữ liệu) - Kiểm tra dây cáp

Mã lỗi: E1 02

- Giải thích và kiểm tra điểm = Thông báo lỗi (ngoài trời đơn vị không thể giao tiếp) - Kiểm tra địa chỉ

Mã lỗi: E1 21

- Giải thích và kiểm tra điểm = dàn lạnh cảm biến nhiệt độ phòng lỗi (mở / tắt) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E1 22

- Giải thích và kiểm tra điểm = Indoor đơn vị cảm biến lỗi
- thiết bị bốc hơi ống do lỗi cảm biến (mở / tắt) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E1 23

- Giải thích và kiểm tra điểm = Indoor đơn vị cảm biến lỗi
- thiết bị bốc hơi ống ra lỗi cảm biến (mở / tắt) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E1 28

- Giải thích và kiểm tra điểm = Indoor đơn vị cảm biến lỗi
- trong ống bay hơi cảm biến tách

Mã lỗi: E1 30

- Giải thích và kiểm tra điểm = dàn lạnh trao đổi nhiệt trong và ngoài bộ cảm biến nhiệt độ tách

Mã lỗi: E1 54

- Giải thích và kiểm tra điểm = dàn lạnh quạt hỏng

Mã lỗi: E1 61

- Giải thích và kiểm tra điểm = Nhiều hơn 2 đơn vị trong nhà mát mẻ và nhiệt đồng thời

Mã lỗi: E1 62

- Giải thích và kiểm tra điểm = EPROM lỗi

Mã lỗi: E1 63

- Giải thích và kiểm tra điểm = Tùy chọn cài đặt mã lỗi

Mã lỗi: E1 85

- Giải thích và kiểm tra điểm = cáp bỏ lỡ dây

Mã lỗi: E2 01

- Giải thích và kiểm tra điểm = Số lượng đơn vị trong nhà không phù hợp

Mã lỗi: E2 02

- Giải thích và kiểm tra điểm = Thông báo lỗi (ngoài trời không thể nhận được dữ liệu)

Mã lỗi: E2 03

- Giải thích và kiểm tra điểm = Thông báo lỗi giữa hai bộ vi điều khiển trên PCB ngoài trời

Mã lỗi: E2 21

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngoài trời nhiệt độ cảm biến lỗi (viết tắt / mở) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E2 37

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngưng cảm biến nhiệt độ lỗi (viết tắt / mở) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E2 46

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngưng nhiệt độ cảm biến tách

Mã lỗi: E2 51

- Giải thích và kiểm tra điểm = Dầu khí xả cảm biến lỗi (viết tắt / mở) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E2 59

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị lỗi

Mã lỗi: E2 60

- Giải thích và kiểm tra điểm = Dầu khí xả cảm biến lỗi (viết tắt / mở) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E2 61

- Giải thích và kiểm tra điểm = Dầu khí xả cảm biến tách

Mã lỗi: E3 20

- Giải thích và kiểm tra điểm = nén OLP cảm biến lỗi (viết tắt / mở) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E4 01

- Giải thích và kiểm tra điểm = dàn lạnh trao đổi nhiệt và ngừng máy nén lạnh (nhiệt độ)

Mã lỗi: E4 04

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị quá tải và ngừng máy nén (kiểm soát bảo vệ chế độ sưởi ấm)

Mã lỗi: E4 16

- Giải thích và kiểm tra đơn vị điểm = ngoài trời nhiệt độ cao và ngừng xả nén (nhiệt độ)

Mã lỗi: E4 19

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị EEV mở lỗi (tự chẩn đoán) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E4 22

- Giải thích và kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị EEV đóng lỗi (tự chẩn đoán) - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E4 40

- Giải thích và kiểm tra điểm = nhiệt độ cao (trên 30 ° C) của chế độ ngoài trời như sưởi ấm

Mã lỗi: E4 41

- Giải thích và kiểm tra điểm = nhiệt độ thấp (dưới -5 ° C) của chế độ làm mát trong nhà như

Mã lỗi: E4 60

- Giải thích và kiểm tra điểm = sai kết nối giữa truyền thông và cáp điện

Mã lỗi: E4 61

- Giải thích và kiểm tra điểm = Inverter bắt đầu suy nén (5 lần)

Mã lỗi: E4 62

- Giải thích và kiểm tra điểm = nén chuyển đi bởi hiện kiểm soát giới hạn đầu vào

Mã lỗi: E4 63

- Giải thích và kiểm tra điểm = nén chuyển đi của OLP kiểm soát nhiệt độ giới hạn

Mã lỗi: E4 64

- Giải thích và kiểm tra điểm = Dầu khí hiện hành bảo vệ đỉnh cao

Mã lỗi: E4 65

- Giải thích và kiểm tra điểm = Dầu khí bảo vệ quá tải bởi hiện tại

Mã lỗi: E4 66

- Giải thích và kiểm tra điểm = liên kết điện áp lỗi-DC (dưới 150V hoặc 410V hơn)

Mã lỗi: E4 67

- Giải thích và kiểm tra điểm = nén quay lỗi

Mã lỗi: E4 68

- Giải thích và kiểm tra điểm = hiện tại cảm biến Kiểm tra lỗi và giải thích - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E4 69

- Giải thích và kiểm tra điểm = DC-link cảm biến điện áp lỗi - Kiểm tra và thay thế nếu cần thiết

Mã lỗi: E4 70

- Giải thích và kiểm tra điểm = Dầu khí bảo vệ quá tải - Kiểm tra tính chất làm lạnh và trao đổi nhiệt

Mã lỗi: E4 71

- Giải thích và kiểm tra điểm = EPROM lỗi - Kiểm tra và thay thế nếu cần PCB

Mã lỗi: E4 72

- Giải thích và kiểm tra điểm = AC dòng lỗi zero-quá mạch phát hiện - Kiểm tra nguồn điện

Mã lỗi: E5 54

- Giải thích và kiểm tra điểm = Không có lỗi môi chất lạnh (tự chẩn đoán) - Kiểm tra tính chất làm lạnh.

BẢNG MÃ LỖI MÁY LẠNH SAMSUNG

Mã lỗi E1 và Er E1 : Máy lạnh Samsung đang bị lỗi cảm biến nhiệt độ phòng

Mã lỗi E2 , Er E5 và Er 05 Máy đang bị lỗi cảm biến nhiệt độ của dàn lạnh

Mã lỗi E3 và E3 01: lỗi động cơ quạt dàn lạnh hay sung tín hiệu quạt

Mã lỗi E6 và Er 06 : lỗi board mạch điều khiển

Mã lỗi Er01 : lỗi tín hiệu dàn nóng và dàn lạnh

Mã lỗi Er 11 : máy lạnh tăng dòng bất thường

Mã lỗi Er 12 và Er 13 : lỗi gia tăng nhiệt độ

Mã lỗi Er 14 lỗi main board biến tần

Mã lỗi Er 15 lỗi hệ thống giải nhiệt dàn nóng , có thể quá nhiệt của quạt dàn nóng

Mã lỗi Er 10 lỗi máy nén , board điều khiển

Mã lỗi Er E6 lỗi cảm biến nhiệt độ

Mã lỗi Er 31 lỗi cảm biến nhiệt độ ngoài trời

Mã lỗi Er 32 , Er 33 lỗi sensol cảm biến nhiệt độ gió xả

Mã lỗi Er 17 lỗi hai bộ phận trên board inverter dàn nóng

Mã lỗi Er 36 , Er 37lỗi cảm biến tản nhiệt của main board

Mã lỗi Er 38 lỗi điện áp cảm biến

Mã Lỗi Máy Lạnh Samsung Inverter

Mã lỗi E1 01 lỗi dàn lạnh không có tín hiệu , kiểm tra lại kết nối dây

Mã lỗi E1 02 , E2 02 lỗi dàn nóng không có tín hiệu

Mã lỗi E1 21 lỗi sensol phòng

Mã lỗi E1 22 , E1 23 , E1 28 lỗi sensol gas dàn lạnh

Mã lỗi E1 30 lỗi cảm biến thiếu gas

Sửa điều hòa Samsung bằng bảng mã lỗi

Điều hòa samsung được sử dụng phổ biến trong các gia đình ở Việt Nam, việc sửa điều hòa samsung bằng bảng mã lỗi để biết rõ được chính xác điều hòa đang gặp trục trặc gì và tiết kiệm được thời gian tìm lỗi.

Operation = Yes: Hoạt động = Có

Flashing Display Timer = Yes: Màn hình nhấp nháy Timer = Có

Display = E2 LED: Hiển thị = E2

Dàn lạnh ống nhiệt điện trở lỗi Open hay bị đóng mạch

Operation: Hoạt động

Flashing Display Timer = Màn hình nhấp nháy Timer = Turbo = Yes: Turbo = Có

LED Display = E3 LED: hiển thị = E3

Dàn lạnh quạt trục trặc động cơ

LED Display = E6 LED: hiển thị = E6

Kiểm tra và thay thế nếu cần PCB, hãy liên hệ công ty sửa điều hòa uy tín để thay thiết bị này.

LED Display = Flashing LED: hiển thị = Flashing

Tùy chọn mã lỗi – Kiểm tra và mã mới đầu vào tùy chọn này nếu cần thiết thông qua điều khiển từ xa không dây

Flashing Display Timer =: Màn hình nhấp nháy Timer = Turbo = Yes Turbo = Có

LED Display = LED hiển thị =

Đơn vị nhiệt độ cảm biến – Mở hoặc đóng mạch

Outdoor Unit: Đơn vị ngoài trời

Error Code = Er – E1 Lỗi Mã = Er – E1

Phòng đơn vị cảm biến nhiệt độ trong nhà lỗi (mở / tắt)

Error Code = Er – E5 Lỗi Mã = Er – E5

Lỗi cảm biến nhiệt độ (mở / tắt)

Error Code = Er – 05 Lỗi Mã = Er – 05

Lỗi cảm biến nhiệt độ (mở / tắt)

Error Code = Er – 06 Lỗi Mã = Er – 06

Kiểm tra và thay thế nếu cần PCB

Error Code = Er – 09 Lỗi Mã = Er – 09

Kiểm tra và mã mới đầu vào tùy chọn này nếu cần thiết thông qua điều khiển từ xa không dây

Error Code = E3 – 01 Lỗi Mã = E3 – 01

Có động cơ trục trặc Fan hâm mộ và cấp

Error Code = Er – 01 Lỗi Mã = Er – 01

Thông báo lỗi giữa các đơn vị trong nhà và đơn vị ngoài trời

Error Code = Er – 11 Lỗi Mã = Er – 11

Bất thường gia tăng hoạt động hiện tại

Error Code = Er – 12 Lỗi Mã = Er – 12

Bất thường tăng nhiệt độ OLP

Error Code = Er – 13 Lỗi Mã = Er – 13

Bất thường gia tăng của nhiệt độ xả

Error Code = Er – 14 Lỗi Mã = Er – 14

Kiểm tra Comp mạch IPM. Fan Quạt

Error Code = Er – 15 Lỗi Mã = Er – 15

Bất thường gia tăng của nhiệt độ tản nhiệt cổ động

Error Code = Er – 10 Lỗi Mã = Er – 10

BLCD nén bắt đầu lỗi Comp. PCB, Comp wire PCB, Comp dây

Error Code = Er – E6 Lỗi Mã = Er – E6
Temp-cảm biến
Error Code = Er – 32 Lỗi Mã = Er – 32
Kiểm tra xả temp-cảm biến
Error Code = Er – 33 Lỗi Mã = Er – 33
Kiểm tra điểm = xả temp-cảm biến
Error Code = Er – 17 Lỗi Mã = Er – 17
Kiểm tra điểm = Thông báo lỗi từ 2 micom trên PCB ngoài trời
Error Code = Er – 36 Lỗi Mã = Er – 36
Kiểm tra điểm = hiện tại cảm biến lỗi PCB
Error Code = Er – 37 Lỗi Mã = Er – 37
Kiểm tra điểm = tản nhiệt, cảm biến nhiệt độ lỗi PCB
Error Code = Er – 38 Lỗi Mã = Er – 38
Kiểm tra điểm = Điện áp cảm biến lỗi
Display = E1 01 Hiện thị = E1 01
Kiểm tra điểm = Thông báo lỗi (trong nhà máy không thể nhận được dữ liệu) – Kiểm tra dây cáp, đây là lỗi mà nhiều khách hàng gọi tới sửa điều hòa tại nhà nhiều nhất.
Display = E1 02 Hiện thị = E1 02
Kiểm tra điểm = Thông báo lỗi (ngoài trời đơn vị không thể giao tiếp) – Kiểm tra địa chỉ
Display = E1 21 Hiện thị = E1 21
Kiểm tra điểm = dàn lạnh cảm biến nhiệt độ phòng lỗi (mở / tắt)
Display = E1 22 Hiện thị = E1 22
Kiểm tra điểm = Indoor đơn vị cảm biến lỗi – thiết bị bốc hơi ống do lỗi cảm biến (mở / tắt)
Display = E1 23 Hiện thị = E1 23

Kiểm tra đơn vị cảm biến lỗi – thiết bị bốc hơi ống ra lỗi cảm biến (mở / tắt)
Display = E1 28 Hiện thị = E1 28
Kiểm tra đơn vị cảm biến lỗi – trong ống bay hơi cảm biến tách
Display = E1 30 Hiện thị = E1 30
Kiểm tra dàn lạnh trao đổi nhiệt trong và ngoài bộ cảm biến nhiệt độ tách
Display = E1 54 Hiện thị = E1 54
Kiểm tra điểm dàn lạnh quạt hỏng
Display = E1 61 Hiện thị = E1 61
Kiểm tra hơn 2 đơn vị trong nhà mát mẻ và nhiệt đồng thời
Display = E1 62 Hiện thị = E1 62
Kiểm tra điểm = EPROM lỗi
Display = E1 63 Hiện thị = E1 63
Kiểm tra điểm tùy chọn cài đặt mã lỗi
Display = E1 85 Hiện thị = E1 85
Kiểm tra điểm cáp bỏ lỗ dây
Display = E2 01 Hiện thị = E2 01
Kiểm tra số lượng đơn vị trong nhà không phù hợp
Display = E2 02 Hiện thị = E2 02
Kiểm tra điểm = Thông báo lỗi (ngoài trời không thể nhận được dữ liệu)
Display = E2 03 Hiện thị = E2 03
Kiểm tra điểm = Thông báo lỗi giữa hai bộ vi điều khiển trên PCB ngoài trời
Display = E2 21 Hiện thị = E2 21
Kiểm tra điểm nhiệt độ cảm biến lỗi (viết tắt / mở)

Display = E2 37 Hiển thị = E2 37
Kiểm tra điểm = ngưng cảm biến nhiệt độ lỗi (viết tắt / mở)
Display = E2 46 Hiển thị = E2 46
Kiểm tra điểm = ngưng nhiệt độ cảm biến tách
Display = E2 51 Hiển thị = E2 51
Kiểm tra điểm = Dầu khí xả cảm biến lỗi (viết tắt / mở)
Display = E2 59 Hiển thị = E2 59
Kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị lỗi
Display = E2 60 Hiển thị = E2 60
Kiểm tra điểm = Dầu khí xả cảm biến lỗi (viết tắt / mở)
Display = E2 61 Hiển thị = E2 61
Kiểm tra điểm = Dầu khí xả cảm biến tách
Display = E3 20 Hiển thị = E3 20
Kiểm tra điểm = nén OLP cảm biến lỗi (viết tắt / mở)
Display = E4 01 Hiển thị = E4 01
Kiểm tra điểm = dàn lạnh trao đổi nhiệt và ngừng máy nén lạnh (nhiệt độ)
Display = E4 04 Hiển thị = E4 04
Kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị quá tải và ngừng máy nén (kiểm soát bảo vệ chế độ sưởi ấm)
Display = E4 16 Hiển thị = E4 16
Kiểm tra đơn vị điểm = ngoài trời nhiệt độ cao và ngừng xả nén (nhiệt độ)
Display = E4 19 Hiển thị = E4 19
Kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị EEV mở lỗi (tự chẩn đoán)
Display = E4 22 Hiển thị = E4 22

Kiểm tra điểm = ngoài trời đơn vị EEV đóng lỗi (tự chẩn đoán)
Display = E4 40 Hiển thị = E4 40
Kiểm tra điểm = nhiệt độ cao (trên 30 ° C) của chế độ ngoài trời như sưởi ấm
Display = E4 41 Hiển thị = E4 41
Kiểm tra điểm = nhiệt độ thấp (dưới -5 ° C) của chế độ làm mát trong nhà như
Display = E4 60 Hiển thị = E4 60
Kiểm tra điểm = sai kết nối giữa truyền thông và cáp điện
Display = E4 61 Hiển thị = E4 61
Kiểm tra điểm = Inverter bắt đầu suy nén (5 lần)
Display = E4 62 Hiển thị = E4 62
Kiểm tra điểm = nén chuyển đi bởi hiện kiểm soát giới hạn đầu vào
Display = E4 63 Hiển thị = E4 63
Kiểm tra điểm = nén chuyển đi của OLP kiểm soát nhiệt độ giới hạn
Display = E4 64 Hiển thị = E4 64
Kiểm tra điểm = Dầu khí hiện hành bảo vệ đỉnh cao
Display = E4 65 Hiển thị = E4 65
Kiểm tra điểm = Dầu khí bảo vệ quá tải bởi hiện tại
Display = E4 66 Hiển thị = E4 66
Kiểm tra điểm = liên kết điện áp lỗi-DC (dưới 150V hoặc 410V hơn)
Display = E4 67 Hiển thị = E4 67
Kiểm tra điểm = nén quay lỗi
Display = E4 68 Hiển thị = E4 68
Kiểm tra lỗi và giải thích

Display = E4 69 Hiển thị = E4 69
Kiểm tra điểm = DC-link cảm biến điện áp lỗi
Display = E4 70 Hiển thị = E4 70
Kiểm tra điểm = Dầu khí bảo vệ quá tải
Display = E4 71 Hiển thị = E4 71
Kiểm tra điểm = EPROM lỗi – Kiểm tra và thay thế nếu cần PCB
Display = E4 72 Hiển thị = E4 72
Kiểm tra điểm = AC dòng lỗi zero-quá mạch phát hiện –
Kiểm tra nguồn điện
Display = E5 54 Hiển thị = E5 54
Kiểm tra điểm = Không có lỗi môi chất lạnh (tự chẩn đoán) – Kiểm tra tính chất làm lạnh.

8- Bảng mã lỗi của điều hòa Nagakawa

Bảng mã lỗi của điều hòa Nagakawa

Điều hòa Nagakawa báo lỗi **F6** là : Lỗi quạt dàn lạnh.

Điều hòa Nagakawa báo lỗi **F8** là : Hỏng Cảm biến dàn
Điều hòa Nagakawa báo lỗi **F8** là: Hỏng Cảm biến dàn
F6 là: Lỗi quạt dàn lạnh.

F8: Lỗi cảm biến sensor đầu đồng
Điều hòa NAGAKAWA ... A0: Lỗi của thiết bị bảo vệ bên ngoài. ... A3: Lỗi ở hệ thống điều khiển mức nước xả(33H). ... E5: Lỗi do động cơ máy nén inverter.

điều hòa nagakawa 9000BTU dùng được 3 năm rồi bây giờ bật lên nó chạy đến khi cấp điện cho cục nóng *khoảng 1 phút là nó báo lỗi F6 và ngắt điện cục nóng luôn* em tháo ra xem loay hoay mãi em đã thay thử senso nhưng vẫn không được
tháo bo nguồn ra, dùng bóng đèn làm tải giả, nhớ gắn quạt và cảm biến nhiệt vào rồi thử vì nhiều đời máy không gắn quạt và tải giả máy cũng báo lỗi,
thay cảm biến thử xem sao... nếu không có cảm biến mới thì cắt dây cảm biến ra(dây có cục đồng ý) nối với con trở khoảng **5k**, nếu không được thì xem con *ic giải mã nó có dạng cài chân không thì tháo ra vệ sinh sạch sẽ rồi đóng vào thử xem sao...*, còn theo mã lỗi máy kagakawa thì f6 là lỗi quá dòng..

BÁO LỖI MÁY ĐHKK NAGAKAWA

S TT	HIỆN TƯỢNG BÁO LỖI	PHƯƠNG NG PHÁP		HIỂN THỊ	TRÊN MẶT	ĐÈN
		Đ ÈN	POWER	ĐÈN RUN	ĐÈN SLEEP	ĐÈN TIMER
A		LOẠI MÁY		95 VÀ 125 AV		
1	Lỗi sensor đầu đồng			Nhấp nháy	Nháp p nháy y	Nháp p nháy y
2	Lỗi Sensor nhiệt độ phòng			Nháp nháy	Nháp p nháy y	Luôn sáng
3	Máy ngoài bất thường			Nháp nháy	Tắt	Nháp p nháy y

4	Quạt dàn lạnh bất thường			Nhấp nháy	Luôn sáng	Nháp p nháy y
	Chú ý : Đèn nhấp nháy . . 5giây ,tắt 5 giây					
B		LOẠI MÁY		95 VÀ	123 AV	
1	Lỗi Sensor đầu đồng hoặc Máy ngoài bất thường			Nhấp nháy 5lần sau 10 giây lặp lại	Tắt	Tắt
2	Lỗi Sensor nhiệt Độ phòng			Nhấp nháy 2 lần sau	Tắt	Tắt

				10 giây lặp lại			
3	Quạt dàn lạnh bất thường			Nhấp nháy 6 lần sau 7 giây lặp lại	Tắt	Tắt	
C		LOẠI	MÁY	182 SH			
1	Lỗi Sensor đầu đồng hoặc Máy ngoài bất thường			Nhấp nháy 5 lần sau 7 giây lặp lại	Tắt	Tắt	
2	Lỗi Sensor nhiệt Độ phòng			Nhấp nháy 2 lần sau	Tắt	Tắt	

				10 giây lặp lại			
3	Quạt dàn lạnh bất thường			Nhấp nháy 3 lần sau 5 giây lặp lại	Tắt	Tắt	
D		LOẠI	MÁY	183 AV			
1	Lỗi Sensor đầu đồng hoặc Máy ngoài bất thường	Luôn sáng		Nhấp nháy 5 lần sau 5 giây lặp lại	Tắt	Tắt	
2	Lỗi Sensor nhiệt Độ phòng	Luôn sáng		Nhấp nháy 2 lần sau 10 giây lặp lại	Tắt	Tắt	
3	Quạt dàn lạnh	Luôn		Nhấp	Tắt	Tắt	

	bất thường	sáng		nháy 6 lần sau 2 giây lặp lại			
--	------------	------	--	-------------------------------	--	--	--

BÁO LỖI MÁY ĐHKK

NAGAKAWA

STT	HIỆN TƯỢNG BÁO LỖI	PHƯƠNG PHÁP		HIỂN THỊ	TRÊN MẶT	ĐÈ N	
		ĐÈ N	POWER	ĐÈN RUN	ĐÈN SLEEP	ĐÈN TIMER	
A		LOẠI MÁY		243 AV			
1	Lỗi sensor đầu đồng	Luôn sáng		Nhấp nháy 2 lần sau 10 giây lặp lại		Luôn sáng	

2	Lỗi Sensor nhiệt độ phòng					Tắt	
3	Máy ngoài bất thường	Luôn sáng		Nhấp nháy 6 lần sau 5 giây lặp lại		Tắt	
4	Quạt dàn lạnh bất thường	Luôn sáng		Nhấp nháy 5 lần sau 5 giây lặp lại		Tắt	
B LOẠI MÁY > 246 AT (CASSETT							

E)							
1	Lỗi Sensor đầu đồng hoặc Máy ngoài bất thường	Luôn sáng		Nhấp nháy 6 lần sau 7 giây lặp lại		Tắt	
2	Quạt dàn lạnh bất thường	Luôn Sáng		Nhấp nháy 5 lần sau 3 giây lặp lại		Tắt	
3	Đảo	Nhấp		Nhấp		Tắt	

	pha, đấu sai điện nguồn	nháy		nháy			
C		LOẠI	MÁ Y	424 AP	(ÁP TRẦN)		
1	Lỗi Sensor đầu đồng hoặc Máy ngoài bất thường	Tắt		Nhấp nháy 5 lần sau 5 giây lặp lại		Tắt	
2	Quạt dàn lạnh bất thường	Tắt		Nhấp nháy 6 lần sau 7 giây lặp lại		Tắt	

3	Đảo pha ,đấu sai điện nguồn	Tắt		Nhấp nháy liên tục		Tắt
D		LOAI	MÁ Y	92;122S H và	240;420AV	
1	Lỗi Sensor đầu đồng hoặc Mất ga		Mặt đèn hiển thị lỗi E L			
2	Quạt dàn lạnh bất		Mặt đèn hiển			

	thườ ng		thị lỗi E F				
3	Điện nguồn yếu,lệch pha hoặc tiếp xúc kém		Mặt đèn hiển thị lỗi E r				
3	Đảo pha hoặc đấu sai dây nguồn	Mặt đèn >hiển thị lỗiE3 và Er					

CÁC SỰ CỐ THƯỜNG GẶP CỦA MÁY ĐHKK – NAKAGAWA

STT	HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN	CÁCH SỬ LÝ
1	Máy lạnh kém	<ul style="list-style-type: none"> * Thiếu ga hoặc thừa ga • Để lọt hơi ẩm vào hệ thống do khi lắp đặt xả E không kỹ. • Các dàn trao đổi nhiệt quá bẩn. • Điện áp thấp quá mức cho phép . • Lưới lọc bụi bẩn . • Cục ngoài trời giải nhiệt kém 	<ul style="list-style-type: none"> • Nạp thêm hoặc xả bớt ga • Xả ga để hút chân không và nạp lại. • -Vệ sinh các dàn trao đổi nhiệt. • -Dùng ổn áp để tăng nguồn cho máy ,thay dây đúng theo yêu cầu kỹ thuật . • Vệ sinh lưới lọc bụi • • Chuyển cục nóng sai vị trí giải nhiệt tốt nhất .
		* Hỏng máy nén .	<ul style="list-style-type: none"> • Thay máy nén mới • • Thay tụ mới >

2	Máy mất lạnh hoàn toàn	<ul style="list-style-type: none"> * Hỏng tụ khởi động máy nén hay hỏng tụ quạt . * Hỏng động cơ quạt ngoài trời > * Mất hết ga * Hỏng Tecmi . * Quên không khóa ga . * Máy nén ko hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> • Thay động cơ mới • • Tìm chỗ hở để sử lý • Thay Tecmic . • Kiểm tra khóa ga cho hệ thống. • Dùng ổn áp để cấp nguồn cho máy
3	Máy chạy đóng cắt liên tục	<ul style="list-style-type: none"> • Máy nén tăng dòng . • Ống đồng nối giữa hai cục bị móp ,gãy gập • • Tecmic sai trị số . • Các rắc cắm tiếp xúc ko tốt 	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra dòng chạy máy nén ,tìm nguyên nhân khác • Kiểm tra và thay ống mới • Thay tecmic đúng trị số • Kiểm tra lại các rắc cắm bóp chặt lại • Kiểm tra nguồn

		<p>· Nguồn điện ko ổn định</p> <p>*Tecmic sai trị số</p> <p>*Các zắc cắm tiếp xúc không tốt</p> <p>*Nguồn điện không ổn định</p>	<p>trong quá trình máy hoạt động .</p> <p>*Thay Tecmic đúng trị số</p> <p>*Kiểm tra làm sạch và chắc zắc cắm</p> <p>*Kiểm tra nguồn điện theo dõi nguồn sau khi khởi động máy .</p>
--	--	--	---

9 - Lỗi thường gặp của điều hòa Midea

Lỗi thường gặp của điều hòa Midea

Đối với dieu hoa Midea thường gặp các bệnh như sau:

- * Điều hòa Media kêu to.
- * Điều hòa Media quá lạnh
- * Điều hòa Media có chạy nhưng không lạnh
- * Điều hòa Media không nhận điều khiển từ xa
- * Điều hòa Media chảy nước
- * Điều hòa Media không có đèn báo nguồn
- * Điều hòa Media chạy 1-5 phút báo lỗi đèn time nháy liên tục

Bảng mã lỗi máy lạnh Midea / Reetech

Mã lỗi Chuẩn đoán

E0 EEPROM Lỗi tham số

E1 Trong nhà / ngoài trời đơn vị bảo vệ thông tin liên lạc

E5 mở hoặc ngắn mạch của cảm biến temprature ngoài trời

E6 mở hoặc ngắn mạch của cảm biến temprature trong nhà

P0 Inverter mô-đun quá mạnh mẽ bảo vệ hiện tại

P1 Điện áp quá cao hoặc bảo vệ điện áp quá thấp

P2 Temprature bảo vệ máy nén dừng.

P4 Inverter lỗi ổ đĩa nén

10- BẢNG MÃ LỖI MÁY LẠNH LG INVERTER

BẢNG MÃ LỖI MÁY LẠNH LG INVERTER

Cách kiểm tra mã lỗi máy lạnh LG và máy lạnh LG inverter

Máy có màn hình tra theo bảng mã lỗi sau , đối với máy không có màn hình , áp dụng theo sự nháy đèn , Ví dụ nháy 5 lần mã số CH 05 Lỗi CH10 quạt giàn lạnh inverter

Lỗi **CH21** , Lỗi IC Công Suất

Lỗi **CH22** Cao dòng , cao điện áp trên cuộn seo , board

Lỗi **CH23** điện áp quá thấp

Lỗi **CH26** Hỏng máy nén inverter

Lỗi **CH27** lỗi quá tải dàn nóng , board Inverter

Lỗi **CH29** pha máy nén inverter

Lỗi **CH32** nhiệt độ cao dương đẩy máy nén inverter

Lỗi **CH33** quá tải máy nén inverter

Lỗi **CH41** cảm biến máy nén 200k inverte

Lỗi **CH44** Hỏng cảm biến gió giàn nóng 10k inverter

Lỗi **CH45** Hỏng cảm biến gió giàn nóng 5k inverter

Lỗi **CH46** cảm biến đường về của máy nén inverter

Lỗi **CH47** máy nén không hoạt động cảm biến 200k

Lỗi **CH53** liên lạc giữa giàn nóng và giàn lạnh

Lỗi **CH60** ic cảm trên mạch giàn nóng inverter

Lỗi **CH61** giàn nóng không giải nhiệt được

Lỗi **CH62** nhiệt độ cao ic nguồn đuôi nóng inverter

Lỗi **CH65** hỏng ic nguồn đuôi nóng inverter

Lỗi **CH01** Hỏng cảm biến giàn lạnh

11- Bảng mã báo lỗi của điều hòa Funiki

Bảng mã báo lỗi của điều hòa Funiki

Thứ Hai, ngày 06 tháng 7 năm 2015

Báo lỗi: E01 máy lạnh funiki FC45M, FH45M lỗi cảm biến không khí 10 Kohm. Máy lạnh không hoạt động được. Hiện tượng như mất nguồn (cấm mọi hoạt động).

Báo lỗi: E02 máy lạnh funiki FC45D, FH45D Hỏng cảm biến bảo vệ nhiệt độ cao dàn lạnh trong nhà. Lúc này block (máy nén) không hoạt động. kiểm tra cảm biến và kiểm tra gas.

Báo lỗi: E02 máy lạnh funiki FC, FH45 chỉ có quạt dàn lạnh trong nhà hoạt động thì là do van áp suất thấp, áp suất cao bị hư hỏng hoặc bị lệch pha.

Báo lỗi: E02 máy lạnh funiki FC45M, FH45M lỗi cảm biến dàn 10 kOhm. Máy lạnh không hoạt động được. Hiện tượng như mất nguồn (cấm mọi hoạt động).

Báo lỗi: E03 máy lạnh funiki FC45D, FH45D
Hỏng cảm biến bảo vệ chống đông bằng dàn
lạnh trong nhà (block ko chạy), kiểm tra cảm
biến và kiểm tra lượng gas.

Báo lỗi: E03 máy lạnh funiki FC45M, FH45M
Lỗi cảm biến dàn ngoài trời 10 kOhm, có
thể đấu tắt lại máy vẫn chạy bình thường.

Báo lỗi: E04 máy lạnh funiki FC45D, FH45D
Lỗi bảo vệ mất gas, chỉ chạy quạt dàn lạnh
trong nhà chạy, tìm chỗ hở và **Nạp gas điều
hòa** thêm.

Báo lỗi: E05 máy lạnh funiki FC, FH45 Lỗi cảm
biến dàn (chạy 45 phút, ngắt 10 phút), lỗi cảm
biến không khí.

Báo lỗi: E06 máy lạnh funiki FC, FH45 Lỗi cảm
biến dàn (chạy 45 phút, ngắt 10 phút). Kiểm
tra đầu dò 10 kOhm và jack cắm.

Báo lỗi: E06 máy lạnh funiki FC45M, FH45M
Lộn pha, bộ bảo vệ pha có sự cố kiểm tra áp
suất cao và áp suất thấp do nghẹt cáp, dư gas,
thiếu gas.

Báo lỗi: E07 máy lạnh funiki FC, FH45 Lỗi cảm
biến dàn nóng ngoài trời, kiểm tra đầu dò 10
kOhm và jack cắm, có thể đấu tắt đầu
dò ở board mạch điều khiển.

Báo lỗi: E09 máy lạnh funiki FC, FH45
chỉ chạy quạt dàn lạnh trong nhà, mất gas hoặc
cảm biến dàn trong nhà (10kOhm) sai trị số.

Báo lỗi: E1 máy lạnh funiki FC45D, FH45D Lỗi
cảm biến không khí (cấm mọi hoạt động).

Báo lỗi: E1 máy lạnh funiki FC, FH24m Lỗi
cảm biến không khí (cấm mọi hoạt động).

Báo lỗi: E2 máy lạnh funiki FC24M, FH24M,
FC27M, FH27M Lỗi cảm biến dàn lạnh trong
nhà.

Báo lỗi: E2 máy lạnh funiki FC45D, FH45D Lỗi
cảm biến dàn lạnh trong nhà.

Báo lỗi: E4 máy lạnh funiki Cánh quạt lồng sóc
ko quay, kẹt, hỏng quạt, bạn có thể tạo xung
giả đánh lừa board mạch, để tận dụng quạt dàn
lạnh.

Báo lỗi: E5 máy lạnh FUNIKI đứt hoặc chạm
cảm biến không khí, hoặc jack cắm bị lỏng,
hỏng.

Báo lỗi: E5 máy lạnh funiki FC24, FH24,
FC27, FH27 Sai cảm biến dàn hoặc thiếu gas
trong hệ thống, trị số cảm biến dàn ở 4.5 - 5
kOhm.

Báo lỗi: E5 máy lạnh funiki FC4D, FH45D Lỗi
cảm biến không khí (máy chạy 45 phút, ngắt
10 phút).

Báo lỗi: E6 máy lạnh FUNIKI senso, cảm biến dàn.

Báo lỗi: E6 máy lạnh funiki FC24, FH24, FC27, FH27 lỗi cảm biến không khí (máy chạy 45 phút, ngắt 10 phút).

Báo lỗi: E6 máy lạnh funiki FC45D, FH45D Lỗi cảm biến dàn (máy chạy 45 phút, ngắt 10 phút).

Báo lỗi: E6 máy lạnh funiki Đứt hoặc chập cảm biến dàn lạnh, hoặc jack cắm lỏng, nếu không có cảm biến có thể bạn mắc nối tiếp R 6.5k với đầu dò đồng đầu dò dàn lạnh.

Báo lỗi: E7 máy lạnh funiki FC24, FH24, FC27, FH27 Kiểm tra cảm biến dàn, dây và jack cắm (máy chạy 45 phút, ngắt 10 phút).

Báo lỗi: E9 máy lạnh funiki Máy bị mất gas hoặc lẩn ảm (tắc bẩn) trong đường ống dẫn gas, điện áp yếu dưới 185V, cảm biến dàn sai trị số có thể nối tiếp điện trở 6.5k, cũng có lúc do hỏng mạch.

Báo lỗi: FC máy lạnh funiki kẹt nút nhấn reset.

Báo lỗi: FF4 máy lạnh funiki FC, FH27G Lỗi cảm biến bảo vệ nhiệt độ cao (chuột đồng 5 kOhm) (cấm mọi hoạt động) không quên kiểm tra jack cắm chuột đồng, kiểm tra lại gas.

Báo lỗi: FF7 máy lạnh funiki FC, FH27G Lỗi cảm biến không khí (cấm mọi hoạt động), điện trở cảm biến 5 kOhm.

Báo lỗi: FF8 máy lạnh funiki FC, FH27G Lỗi cảm biến dàn, (chuột đồng 5 kOhm) kiểm tra gas, jack cắm

12- Bảng mã lỗi và cách sửa điều hòa LG

Bảng mã lỗi và cách sửa điều hòa LG

Điều hòa LG có mã lỗi hiển thị ngay trên Led 7 đoạn (hai số 8) ở trên điều hòa.

1. CH01 – Lỗi cảm biến nhiệt độ gió vào cục trong.

Nguyên nhân: Hở mạch, mối hàn kém, lỗi bên trong mạch.

Khắc phục: Kiểm tra lại các mối hàn, mạch điện tử

2. CH02 - Lỗi cảm biến nhiệt độ ống vào cục trong

Nguyên nhân: Hỏng cảm biến,

Khắc phục: Liên hệ với công ty sửa điều hòa để đặt mua cảm biến

3. CH03 - Lỗi dây dẫn tín hiệu từ cục trong đến điều khiển (Remote)

Nguyên nhân: Hở mạch, kết nối sai, lỗi điều khiển
Khắc phục: Kiểm tra vệ sinh lại điều khiển, nếu không được thì nên mua điều khiển mới cùng hãng và model

4. CH04 – Lỗi bơm nước xả hoặc công tắc phao
Nguyên nhân: Công tắc phao mở. Tình trạng bình thường là đóng.

Khắc phục: Kiểm tra công tắc phao, nếu mở thì đóng vào

5. CH05 & CH53 - Tín hiệu kết nối cục trong và cục ngoài

Nguyên nhân: Đường truyền tín hiệu kém

Khắc phục: Kiểm tra đường truyền tín hiệu giữa 2 cục

6. CH06 – Lỗi cảm biến nhiệt độ ống ra cục trong.

Nguyên nhân: Hở mạch, mối hàn kém, lỗi bên trong mạch.

Khắc phục: Việc khắc phục liên quan tới mạch điện tử cần có chuyên môn nên tốt nhất nếu bạn không rõ thì hãy nhờ công ty sửa điều hòa tại nhà tới kiểm tra khắc phục giúp cho bạn.

7. CH07 – Lỗi chế độ vận hành không đồng nhất(chỉ xảy ra ở máy điều hòa hai chiều).

Nguyên nhân: Các cục trong hoạt động không cùng một chế độ.

Khắc phục: Kiểm tra lại

8. CH33 – Lỗi nhiệt độ ống đẩy của máy nén cao (trên 105 oC).

Nguyên nhân: Cảm biến nhiệt độ cao trên ống đẩy máy nén.

Khắc phục: Kiểm tra cảm biến

9. CH44 – Lỗi cảm biến nhiệt độ gió vào.

Nguyên nhân: Hở mạch, mối hàn kém, lỗi bên trong mạch.

10. CH45 - Lỗi cảm biến nhiệt độ ống của dàn nóng.

Nguyên nhân: Hở mạch, mối hàn kém, lỗi bên trong mạch.

11. CH47 - Cảm biến nhiệt độ trên ống đẩy.

Nguyên nhân: Hở mạch, mối hàn kém, lỗi bên trong mạch.

12. CH51 - Quá tải

Nguyên nhân: Tổng công suất các cục trong lớn hơn cục ngoài.

13. CH54 - Nhầm pha

Nguyên nhân: Đấu nhầm dây điện 3 pha.

viên thông thanh pho Máy lạnh LG báo lỗi CH01 / CH02

- ý nghĩa: Lỗi cảm biến dàn lạnh, đây là cảm biến nhiệt độ không khí vào dàn lạnh quá nóng.

- Cách xử lý: bệnh này chủ yếu cho hở bo mạch, cần kiểm tra lại các mối hàn chì hở bo mạch dàn lạnh

viên thông thanh pho Máy lạnh LG báo lỗi CH03

- ý nghĩa: Đây là lỗi dây dẫn Remote, dành cho một số máy lạnh Remote có dây như: máy lạnh âm trần, máy lạnh tủ đứng... hoặc có thể do kỹ thuật nối dây điều khiển bị sai

- Cách xử lý: Kiểm tra kỹ các JAC cắm, kiểm tra xem có bị đứt dây điều khiển hay không, nếu ngoại trừ 2 yếu tố trên, ta nên kiểm tra các mối hàn chì ở bo mạch điều khiển viên thông thanh pho Máy lạnh LG báo lỗi CH04

- ý nghĩa: Đây là lỗi dây dẫn Remote, dành cho một số máy lạnh Remote có dây như: máy lạnh âm trần, máy lạnh tủ đứng... hoặc có thể do kỹ thuật nối dây điều khiển bị sai

- Cách xử lý: Kiểm tra kỹ các JAC cắm, kiểm tra xem có bị đứt dây điều khiển hay không, nếu ngoại trừ 2 yếu tố

CH04: Kiểm tra công tắc phao đóng hay mở. Đóng là bình thường còn mở thì phải liên hệ kỹ thuật sửa máy lạnh.

CH05 & CH53: Đường truyền tín hiệu giữa dàn nóng và dàn lạnh yếu, khó kết nối.

CH07: Dàn nóng và dàn lạnh không hoạt động cùng một chế độ. Vấn đề này chỉ xảy ra với máy lạnh hai chiều (chiều nóng và lạnh).

CH09: Lỗi board mạch giàn nóng loại máy lạnh Inverter.

CH10: Lỗi quạt giàn lạnh inverter.

CH22: Lỗi cao dòng, điện áp quá cao với lạnh Inverter.

CH23: Điện áp quá thấp.

CH26: Block máy lạnh bị lỗi.

CH27: Quá tải hỏng vì mạch.

CH29: Lỗi pha máy nén.

CH33: Nhiệt độ trên ống đẩy Block cao.

CH41: Lỗi cảm biến máy nén.

CH44: Cảm biến nhiệt độ gió vào. Nguyên nhân chính là do hở mối hàn, lỗi mạch.

CH45: Cảm biến nhiệt độ ống của dàn nóng. Lỗi mạch, hở mối nối, mối hàn.

CH46: Lỗi cảm biến đường về.

CH47: Cảm biến nhiệt độ trên ống đẩy.

CH51: Hoạt động quá tải. Công suất dàn lạnh lớn hơn dàn nóng.

CH60: IC cảm trên mạch giàn nóng inverter bị lỗi.

CH61: Dàn nóng không thoát nhiệt được.

CH62: Lỗi nhiệt độ cao ic nguồn.

CH67: Quạt dàn nóng bị kẹt, hư hỏng.

- 1) Sensor Indoor TH đứt, chập máy báo lỗi after 5 second, erro CH12
- 2) Sensor phòng đứt, máy báo lỗi after 5 second, erro CH01
- 3) Nếu hỏng tín hiệu FB từ quạt lạnh thì quạt quay hết tốc độ sau gần 1 phút thì báo lỗi CH10
- 4) Nếu mất giao tiếp giữa hai dàn then erro CH05 after 2 minute 50 second
- 5) Đứt Sensor theo dõi đầu đẩy Comperesor then erro after 15 second anh erro CH41
- 6) Đứt sensor theo dõi dàn nóng then erro after 12 second and erro CH48
- 7) Đứt sensor theo dõi khi trời then erro after 16 second and erro CH44
- 8) Bình thường Line Data have voltage dao động 3 nhíp từ 25 đến 45V lại có 1 nhíp dao động từ 25 đến 38V
- 9) When ECU trên Outdoor Run then Led đỏ sáng, thỉnh thoảng nháy hơi tối.

13- Mã lỗi máy lạnh Mitsubishi

Mã lỗi máy lạnh Mitsubishi

Match Destination Formatting

Sửa điều hòa Mitsubishi với bảng mã lỗi

Code EA Mã EA

Error detail Mis-wiring of indoor/outdoor unit. Lỗi chi tiết Mis-dây của đơn vị trong nhà / ngoài trời. exceed the number of indoor unit connection. vượt quá số lượng các kết nối đơn vị trong nhà.

Code Eb Mã Eb

Error detail Mis-wiring of indoor/outdoor unit. Lỗi chi tiết Mis-dây của đơn vị trong nhà / ngoài trời. (mis-wiring disconnection) (Sai dây ngắt kết nối)

Code EC Mã EC

Error detail Start-up time over Lỗi cụ thể khởi động theo thời gian

Code E6 Mã số E6

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (signal receiving error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code E7 Mã số E7

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (transmitting error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (truyền lỗi).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code E8 Mã E8

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (signal receiving error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi).

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Code E9 Mã E9

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (transmitting error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (truyền lỗi).

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Code E0 Error detail Remote control transmission error (signal receiving error) Lỗi E0 mã cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi)

Inspected unit Remote control Kiểm tra đơn vị điều khiển từ xa

Code E3 Mã E3

Error detail Remote control transmission error (transmitting error) Lỗi cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (truyền lỗi)

Inspected unit Remote control. Kiểm tra kiểm soát từ xa đơn vị.

Code E4 Mã E4

Error detail Remote control transmission error (signal receiving error) Lỗi cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code E5 Mã E5

Error detail Remote control transmission error (transmitting error) Lỗi cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (truyền lỗi)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code EF Mã EF

Error detail M-NET transmission error Lỗi chi tiết M-NET truyền lỗi

Inspected unit Indoor and outdoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà và ngoài trời.

Code Ed Mã Ed

Error detail Serial transmission error Lỗi chi tiết Serial truyền lỗi

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Code P1 Mã P1

Error detail Abnormality of room temperature thermistor (TH1). Lỗi chi tiết Abnormality của nhiệt điện trở nhiệt độ phòng (TH1).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P2 Mã P2

Error detail Abnormality of pipe temperature thermistor/liquid (TH2). Lỗi chi tiết bất thường của nhiệt độ thermistor ống / lỏng (Th2).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P4 Mã P4

Error detail Abnormality of drain sensor (DS) Lỗi chi tiết Abnormality của cảm biến cống (DS)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P5 Mã P5

Error detail Malfunction of drain-up machine. Lỗi chi tiết Sự cố của máy lên cho ráo nước.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P6 Mã P6

Error detail Freezing/overheating protection detect. Lỗi chi tiết lạnh / nóng bảo vệ phát hiện.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P8 Mã P8

Error detail Abnormality of pipe temperature. Lỗi chi tiết bất thường của nhiệt độ đường ống.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P9 Mã P9

Error detail Anormality of pipe temperature thermistor/condenser/evaporator (TH5) Lỗi chi tiết Anormality của nhiệt điện trở nhiệt độ đường ống / bình ngưng / thiết bị bay hơi (TH5)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code F1 Mã F1

Error detail Reverse phase detection. Lỗi phát hiện giai đoạn cụ thể đảo ngược.

Code F2 Mã F2

Error detail L3 open phase detection. Lỗi chi tiết L3 mở giai đoạn phát hiện.

Code F3 Mã F3

Error detail 63L connector open. Lỗi chi tiết 63L nối mở.

Code F4 Mã F4

Error detail 49C connector open. Lỗi chi tiết 49C nối mở.

Code F9 Mã F9

Error detail Connector 2 or more open. Lỗi cụ thể nối 2 hoặc nhiều hơn mở.

Code FA Mã FA

Error detail L2-phased open phase or 51CM connector open. Lỗi cụ thể theo từng giai đoạn L2-giai đoạn mở hoặc kết nối 51cm mở.

Code F7 Mã F7

Error detail Reverse phase detection circuit (pcboard) fault. Lỗi chi tiết Reverse giai đoạn phát hiện mạch (pcboard) lỗi.

Code F8 Mã F8

Error detail Input circuit fault. Lỗi chi tiết lỗi mạch đầu vào.

Code U2 Mã U2

Error detail Abnormal high discharging temperature. Lỗi chi tiết bất thường thải nhiệt độ cao.

Code U2 Mã U2

Error detail Inner thermostat (49C) operation. Lỗi Nội nhiệt chi tiết (49C) hoạt động.

Code U1 Mã U1

Error detail Abnormal high pressure (high pressure swith 63H worked) Lỗi chi tiết bất thường cao áp (áp suất cao 63H swith làm việc)

Code U1 Mã U1

Error detail Direct cut operation. Lỗi cụ thể trực tiếp cắt giảm hoạt động.

Code UE Mã UE

Error detail High pressure error (ball valve closed) Lỗi chi tiết cao áp lỗi (van bị đóng cửa)

Code UL Mã UL

Error detail Abnormal low pressure. Lỗi chi tiết bất thường áp suất thấp.

Code Ud Mã Ud

Error detail Over heat protection Lỗi bảo vệ nhiệt cụ thể hơn

Code U6 Mã U6

Error detail Compressor over current (overload) cut off. Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (quá tải) cắt bỏ.

Code UA Mã UA

Error detail Compressor over current (terminal relay operation). Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (hoạt động chuyển tiếp thiết bị đầu cuối).

Code UF Mã UF

Error detail Compressor over current (start-up locked) cut off. Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (start-up đã bị khóa) cắt bỏ.

Code UF Mã UF

Error detail Compressor over current (operating locked) cut off. Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (hoạt động bị khóa) cắt bỏ.

Code UH Mã UH

Error detail Current sensor error. Lỗi cụ thể hiện cảm biến lỗi.

Code U3 Mã U3

Error detail Discharge thermistor short/open. Lỗi cụ thể phóng nhiệt điện trở ngắn / mở.

Code U4 Mã U4

Error detail Outdoor thermistor short/open. Lỗi chi tiết ngoài trời nhiệt điện trở ngắn / mở.

Mr.Slim K-control Mr.Slim K-kiểm soát

Display of remote controller Hiện thị các điều khiển từ xa

LED E0 LED E0

Diagnosis of malfunction Transmitting/receiving signal error. Chẩn đoán sự cố Truyền / nhận tín hiệu báo lỗi.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P1 LED P1

Diagnosis of malfunction Intake air sensor abnormal.

Chẩn đoán sự cố không khí Intake cảm biến bất thường.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P2 LED P2

Diagnosis of malfunction Pipe sensor abnormal. Chẩn đoán của ống cảm biến cố bất thường.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P4 LED P4

Diagnosis of malfunction Drain sensor abnormal. Chẩn đoán sự cố Drain cảm biến bất thường.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P5 LED P5

Diagnosis of malfunction Malfunctioning of the drain overflow protecting mechanism. Chẩn đoán sự cố hỏng của cơ chế bảo vệ tràn cống.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P6 LED P6

Diagnosis of malfunction Abnormality of the coil frost/overheating protection mode. Chẩn đoán của Abnormality sự cố của cuộn băng giá / nóng quá mức chế độ bảo vệ.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P3 LED P3

Diagnosis of malfunction System error (transmitting/receiving signal). Chẩn đoán sự cố lỗi hệ thống (truyền / nhận tín hiệu).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P7 LED P7

Diagnosis of malfunction System error (address) Chẩn đoán sự cố lỗi hệ thống (địa chỉ)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P8 LED P8

Diagnosis of malfunction Outdoor unit malfunction Chẩn đoán của các đơn vị ngoài trời sự cố trực trực

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Mr.Slim K-control PUH-EK Mr.Slim K-kiểm soát PUH-EK

Outdoor unit Đơn vị ngoài trời

LED ON = Operation status LED trạng thái ON = hoạt động

LED Flash = Check code display LED Flash = Kiểm tra mã display

LED LD1 LED LD1

LED ON Compressor directive LED chỉ thị về Dầu khí

LED Flash Reverse phase detect LED Flash Reverse giai đoạn phát hiện

LED LD2 LED LD2

LED ON Heating directive LED chỉ thị về hệ thống sưởi ấm

LED Flash Open phase detect Mở Flash LED giai đoạn phát hiện

LED LD3 LED LD3

LED ON During 63H1 operation LED Về Trong hoạt động 63H1

LED Flash Pipe sensor short/open LED Flash ống cảm biến ngắn / mở

LED LD4 LED LD4

LED ON Compressor ON LED ON ON Dầu khí

LED Flash High pressure swith (63H2) operation. LED Flash swith áp suất cao (63H2) hoạt động.

LED LD5 LED LD5

LED ON Outdoor fan ON Về quạt LED ngoài trời về

LED Flash Over current relay (51CM) operation. LED Flash Hơ relay hiện tại (51cm) hoạt động.

LED LD6 LED LD6

LED ON 4-way valve ON LED ON 4-cách-van ON

LED Flash Thermal swith (26C) operation. LED Flash nhiệt swith (26C) hoạt động.

LED LD7 LED LD7

LED ON Bypass valve ON LED ON ON van Bypass

LED Flash Thermistor (TH3) overheat protection. LED Flash nhiệt điện trở (TH3) bị quá nóng bảo vệ.

LED LD8 LED LD8

LED ON Crankcase heater ON Về LED quay tay nóng về

LED Flash Devective input. LED Flash Devective đầu vào.

14- Bảng mã lỗi của điều hòa Mitsubishi

Sửa điều hòa Mitsubishi với bảng mã lỗi

Để biết được lỗi mà điều hòa đang gặp gặp và có cách sửa điều hòa Mitsubishi nhà bạn theo chỉ dẫn thì việc tra bảng mã lỗi của điều hòa Mitsubishi là rất cần thiết. Sửa điều hòa tại nhà gửi đến các bạn cách sửa điều hòa Mitsubishi với bảng mã lỗi.

Code EA Mã EA

Error detail Mis-wiring of indoor/outdoor unit. Lỗi chi tiết Mis-dây của đơn vị trong nhà / ngoài trời. exceed the number of indoor unit connection. vượt quá số lượng các kết nối đơn vị trong nhà.

Code Eb Mã Eb

Error detail Mis-wiring of indoor/outdoor unit. Lỗi chi tiết Mis-dây của đơn vị trong nhà / ngoài trời. (mis-wiring disconnection) (Sai dây ngắt kết nối)

Code EC Mã EC

Error detail Start-up time over Lỗi cụ thể khởi động theo thời gian

Code E6 Mã số E6

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (signal receiving error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code E7 Mã số E7

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (transmitting error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (truyền lỗi).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code E8 Mã E8

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (signal receiving error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi).

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Code E9 Mã E9

Error detail Indoor/outdoor unit transmission error (transmitting error). Lỗi cụ thể trong nhà / ngoài trời đơn vị truyền tải lỗi (truyền lỗi).

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Code E0 Error detail Remote control transmission error (signal receiving error) Lỗi E0 mã cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi)

Inspected unit Remote control Kiểm tra đơn vị điều khiển từ xa

Code E3 Mã E3

Error detail Remote control transmission error (transmitting error) Lỗi cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (truyền lỗi)

Inspected unit Remote control. Kiểm tra kiểm soát từ xa đơn vị.

Code E4 Mã E4

Error detail Remote control transmission error (signal receiving error) Lỗi cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (tín hiệu nhận được báo lỗi)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code E5 Mã E5

Error detail Remote control transmission error (transmitting error) Lỗi cụ thể điều khiển từ xa truyền lỗi (truyền lỗi)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code EF Mã EF

Error detail M-NET transmission error Lỗi chi tiết M-NET truyền lỗi

Inspected unit Indoor and outdoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà và ngoài trời.

Code Ed Mã Ed

Error detail Serial transmission error Lỗi chi tiết Serial truyền lỗi

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Code P1 Mã P1

Error detail Abnormality of room temperature thermistor (TH1). Lỗi chi tiết Abnormality của nhiệt điện trở nhiệt độ phòng (TH1).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P2 Mã P2

Error detail Abnormality of pipe temperature thermistor/liquid (TH2). Lỗi chi tiết bất thường của nhiệt độ thermistor ống / lỏng (Th2).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P4 Mã P4

Error detail Abnormality of drain sensor (DS) Lỗi chi tiết Abnormality của cảm biến cống (DS)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P5 Mã P5

Error detail Malfunction of drain-up machine. Lỗi chi tiết Sự cố của máy lên cho ráo nước.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P6 Mã P6

Error detail Freezing/overheating protection detect. Lỗi chi tiết lạnh / nóng bảo vệ phát hiện.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P8 Mã P8

Error detail Abnormality of pipe temperature. Lỗi chi tiết bất thường của nhiệt độ đường ống.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code P9 Mã P9

Error detail Anomaly of pipe temperature thermistor/condenser/evaporator (TH5) Lỗi chi tiết Anomaly của nhiệt điện trở nhiệt độ đường ống / bình ngưng / thiết bị bay hơi (TH5)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

Code F1 Mã F1

Error detail Reverse phase detection. Lỗi phát hiện giai đoạn cụ thể đảo ngược.

Code F2 Mã F2

Error detail L3 open phase detection. Lỗi chi tiết L3 mở giai đoạn phát hiện.

Code F3 Mã F3

Error detail 63L connector open. Lỗi chi tiết 63L nối mở.

Code F4 Mã F4

Error detail 49C connector open. Lỗi chi tiết 49C nối mở.

Code F9 Mã F9

Error detail Connector 2 or more open. Lỗi cụ thể nối 2 hoặc nhiều hơn mở.

Code FA Mã FA

Error detail L2-phased open phase or 51CM connector open. Lỗi cụ thể theo từng giai đoạn L2-giai đoạn mở hoặc kết nối 51cm mở.

Code F7 Mã F7

Error detail Reverse phase detection circuit (pcboard) fault. Lỗi chi tiết Reverse giai đoạn phát hiện mạch (pcboard) lỗi.

Code F8 Mã F8

Error detail Input circuit fault. Lỗi chi tiết lỗi mạch đầu vào.

Code U2 Mã U2

Error detail Abnormal high discharging temperature. Lỗi chi tiết bất thường thải nhiệt độ cao.

Code U2 Mã U2

Error detail Inner thermostat (49C) operation. Lỗi Nội nhiệt chi tiết (49C) hoạt động.

Code U1 Mã U1

Error detail Abnormal high pressure (high pressure swicth 63H worked) Lỗi chi tiết bất thường cao áp (áp suất cao 63H swicth làm việc)

Code U1 Mã U1

Error detail Direct cut operation. Lỗi cụ thể trực tiếp cắt giảm hoạt động.

Code UE Mã UE

Error detail High pressure error (ball valve closed) Lỗi chi tiết cao áp lỗi (van bị đóng cửa)

Code UL Mã UL

Error detail Abnormal low pressure. Lỗi chi tiết bất thường áp suất thấp.

Code Ud Mã Ud

Error detail Over heat protection Lỗi bảo vệ nhiệt cụ thể hơn

Code U6 Mã U6

Error detail Compressor over current (overload) cut off. Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (quá tải) cắt bỏ.

Code UA Mã UA

Error detail Compressor over current (terminal relay operation). Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (hoạt động chuyển tiếp thiết bị đầu cuối).

Code UF Mã UF

Error detail Compressor over current (start-up locked) cut off. Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (start-up đã bị khóa) cắt bỏ.

Code UF Mã UF

Error detail Compressor over current (operating locked) cut off. Lỗi chi tiết khí hơn hiện tại (hoạt động bị khóa) cắt bỏ.

Code UH Mã UH

Error detail Current sensor error. Lỗi cụ thể hiện cảm biến lỗi.

Code U3 Mã U3

Error detail Discharge thermistor short/open. Lỗi cụ thể phóng nhiệt điện trở ngắn / mở.

Code U4 Mã U4

Error detail Outdoor thermistor short/open. Lỗi chi tiết ngoài trời nhiệt điện trở ngắn / mở.

Mr.Slim K-control Mr.Slim K-kiểm soát

Display of remote controller Hiển thị các điều khiển từ xa LED E0 LED E0

Diagnosis of malfunction Transmitting/receiving signal error. Chẩn đoán sự cố Truyền / nhận tín hiệu báo lỗi.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P1 LED P1

Diagnosis of malfunction Intake air sensor abnormal. Chẩn đoán sự cố không khí Intake cảm biến bất thường.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P2 LED P2

Diagnosis of malfunction Pipe sensor abnormal. Chẩn đoán của ống cảm biến cố bất thường.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P4 LED P4

Diagnosis of malfunction Drain sensor abnormal.

Chẩn đoán sự cố Drain cảm biến bất thường.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P5 LED P5

Diagnosis of malfunction Malfunctioning of the drain overflow protecting mechanism. Chẩn đoán sự cố hỏng của cơ chế bảo vệ tràn cống.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P6 LED P6

Diagnosis of malfunction Abnormality of the coil frost/overheating protection mode. Chẩn đoán của Abnormality sự cố của cuộn băng giá / nóng quá mức chế độ bảo vệ.

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P3 LED P3

Diagnosis of malfunction System error (transmitting/receiving signal). Chẩn đoán sự cố lỗi hệ thống (truyền / nhận tín hiệu).

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P7 LED P7

Diagnosis of malfunction System error (address) Chẩn đoán sự cố lỗi hệ thống (địa chỉ)

Inspected unit Indoor. Kiểm tra đơn vị trong nhà.

LED P8 LED P8

Diagnosis of malfunction Outdoor unit malfunction

Chẩn đoán của các đơn vị ngoài trời sự cố trực trực

Inspected unit Outdoor. Kiểm tra đơn vị ngoài trời.

Mr.Slim K-control PUH-EK Mr.Slim K-kiểm soát PUH-EK

Outdoor unit Đơn vị ngoài trời

LED ON = Operation status LED trạng thái ON = hoạt động

LED Flash = Check code display LED Flash = Kiểm tra mã display

LED LD1 LED LD1

LED ON Compressor directive LED chỉ thị về Dầu khí

LED Flash Reverse phase detect LED Flash Reverse giai đoạn phát hiện

LED LD2 LED LD2

LED ON Heating directive LED chỉ thị về hệ thống sưởi ấm

LED Flash Open phase detect Mở Flash LED giai đoạn phát hiện

LED LD3 LED LD3

LED ON During 63H1 operation LED Về Trong hoạt động 63H1

LED Flash Pipe sensor short/open LED Flash Ống cảm biến ngắn / mở

LED LD4 LED LD4

LED ON Compressor ON LED ON ON Dầu khí

LED Flash High pressure swith (63H2) operation. LED Flash swith áp suất cao (63H2) hoạt động.

LED LD5 LED LD5

LED ON Outdoor fan ON Về quạt LED ngoài trời về

LED Flash Over current relay (51CM) operation. LED Flash Hơ relay hiện tại (51cm) hoạt động.

LED LD6 LED LD6

LED ON 4-way valve ON LED ON 4-cách-van ON

LED Flash Thermal swith (26C) operation. LED Flash nhiệt swith (26C) hoạt động.

LED LD7 LED LD7

LED ON Bypass valve ON LED ON ON van Bypass

LED Flash Thermistor (TH3) overheat protection. LED Flash nhiệt điện trở (TH3) bị quá nóng bảo vệ.

LED LD8 LED LD8

LED ON Crankcase heater ON Về LED quay tay nóng về LED Flash Devective input. LED Flash Devective đầu vào.

Bảng mã lỗi và cách sửa chữa điều hòa Funiki

Khi sử dụng điều hòa Funiki gặp trục trặc bạn có thể tự truy vấn lỗi của điều hòa để có cách sửa kịp thời. Công ty sửa điều hòa tại nhà khuyến cáo các bạn nên tìm hiểu bảng mã lỗi và cách sửa chữa trên điều hòa Funiki.

E01 máy lạnh funiki FC45M,FH45M Lỗi cảm biến không khí 10 Kohm(cấm mọi hoạt động).

E02 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Hồng cảm biến bảo vệ nhiệt độ cao dàn trong nhà(block ko chạy) kiểm tra cảm biến,kiểm tra gaz.

E02 máy lạnh funiki FC,FH45 chỉ chạy quạt trong nhà,lỗi van áp suất thấp,áp suất cao,lệch pha.

E02 máy lạnh funiki FC45M,FH45M Lỗi cảm biến dàn 10kOhm(cấm mọi hoạt động).

E03 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Hồng cảm biến bảo vệ chống đông bằng dàn trong nhà(block ko chạy),kiểm tra cảm biến,kiểm tra gaz.

E03 máy lạnh funiki FC45M,FH45M Lỗi cảm biến dàn ngoài trời 10 kOhm,có thể đấu tắt lại máy vẫn chạy bình thường. E04 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Lỗi bảo vệ mất gaz,(chỉ chạy quạt trong nhà)tìm chỗ hở và nạp thêm gaz, để nạp thêm gas các gia đình nên gọi đến các trung tâm sửa điều hòa uy tín, bảo dưỡng điều hòa để được phục vụ tốt nhất.

E05 máy lạnh funiki FC,FH45 “Lỗi cảm biến dàn(chạy 45p,ngắt 10p) lỗi cảm biến không khí.”

E06 máy lạnh funiki FC,FH45 Lỗi cảm biến dàn(chạy 45p,ngắt 10p).kiểm tra đầu dò 10kOhm và jack cắm.

E06 máy lạnh funiki FC45M,FH45M Lộn pha,bộ bảo vệ pha có sự cố kiểm tra áp suất cao và áp suất thấp do nghẹt cáp,dư gaz,thiếu gaz.

E07 máy lạnh funiki FC,FH45 Lỗi cảm biến dàn ngoài trời,kiểm tra đầu dò 10kOhm và jack cắm,có thể đấu tắt đầu dò ở board mạch điều khiển.

E09 máy lạnh funiki FC,FH45 chỉ chạy quạt trong nhà,mất gaz hoặc cảm biến dàn trong nhà(10kOhm)sai trị số.

E1 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Lỗi cảm biến không khí(cấm mọi hoạt động).

E1 máy lạnh funiki FC,FH24m Lỗi cảm biến không khí(cấm mọi hoạt động).

E2 máy lạnh funiki FC24M,FH24M,FC27M, FH27M Lỗi cảm biến dàn.

E2 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Lỗi cảm biến dàn trong nhà.

E3 máy giặt funiki,VTB Đồi giặt bị lệch,ốc lồng bị long,vành cân bằng bị hở,bộ ly hợp bị lỏng,công tắc cửa bị mất lò xo(do má vít bị nhíp)đứt dây công tắc,kẹt cần gạt an toàn...Thường mất cân bằng lần thứ 3,đồi bị lệch,máy để nghiêng,mới báo lỗi.

E4 máy lạnh funiki Cánh quạt lồng sóc ko quay,kẹt ,hỏng quạt,bạn có thể tạo xung giả đánh lừa board mạch ,để tạm dụng quạt dàn lạnh.

E5 MÁY LẠNH FUNIKI đứt hoặc chạm cảm biến không khí,hoặc jack cắm bị lỏng ,hỏng.

E5 máy lạnh funiki FC24,FH24,FC27,FH27 Sai cảm biến dàn hoặc thiếu gaz trong hệ thống,trị số cảm biến dàn ở 4.5-5kOhm.

E5 máy lạnh funiki FC4D,FH45D Lỗi cảm biến không khí(chạy 45p,ngắt 10p).

E6 MÁY LẠNH FUNIKI SENSO,CẢM BIẾN DÀN. E6 máy lạnh funiki FC24,FH24,FC27,FH27 lỗi cảm biến không khí(chạy 45p,ngắt 10p). E6 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Lỗi cảm biến dàn(máy chạy 45p,ngắt 10p).

E6 máy lạnh funiki Đứt hoặc chập cảm biến dàn lạnh,hoặc jack cắm lỏng,nếu ko có cảm biến có thể bạn mắc nối tiếp R 6.5k với đầu dò đồng đầu dò dàn lạnh.

E7 máy lạnh funiki FC24,FH24,FC27,FH27 Kiểm tra cảm biến dàn,dây và jack cắm(chạy 45p,ngắt 10p).

E9 máy lạnh funiki Máy bị mất gaz hoặc lẫn ẩm trong đường ống,điện áp yếu dưới 185v,cảm biến dàn sai trị số có thể nối tiếpđiện trở6.5k,cũng có lúc hỏng mạch.

FC máy lạnh funiki kẹt nút nhấn reset.

FF4 máy lạnh funiki FC,FH27G Lỗi cảm biến bảo vệ nhiệt độ cao(chuột đồng 5 kOhm)(cấm mọi hoạt động)ko quên kiểm tra jack cắm chuột đồng,kiểm tra lại gaz.

FF7 máy lạnh funiki FC,FH27G Lỗi cảm biến không khí(cấm mọi hoạt động),điện trở cảm biến 5 kOhm.

FF8 máy lạnh funiki FC,FH27g Lỗi cảm biến dàn,(chuột đồng 5kOhm)kiểm tra gaz,jack cắm.

Lỗi thường gặp và cách sửa điều hòa

Thông thường khi sử dụng điều hòa hay gặp một số lỗi thường gặp mà bạn có thể tự khắc phục và sửa chữa được, không cần nhờ đến dịch vụ sửa điều hòa tại nhà để tiết kiệm chi phí. Sau đây, sửa điều hòa tại nhà .biz xin giới thiệu với các bạn một số lỗi thường gặp và cách sửa điều hòa tại nhà bạn.

1. Nguyên tắc hoạt động của điều hòa

Để biết được lỗi mà điều hòa nhà bạn gặp phải thì điều đầu tiên là bạn cần nắm được nguyên tắc hoạt động cơ bản của điều hòa. Điều hòa không khí sử dụng chất tải lạnh Floron 22. Công thức hóa học CHCIF2, ta thường gọi

là Gas điều hòa không khí. Không màu, không mùi, không gây cháy nổ tuy nhiên thì nó lại là tác nhân gây ra hiện tượng nhà kính.

Nguyên tắc hoạt động của điều hòa là lấy nhiệt độ của môi trường cần làm mát, để hóa hơi môi chất lạnh sau đó nhả nhiệt ra môi trường bên ngoài, để trở về dạng lỏng.

Quá trình hoạt động của chất tải lạnh để làm lạnh không khí trong phòng:

Khi mở máy điều hòa lốc nén(block) hoạt động đẩy chất tải lạnh, chất tải lạnh ở dạng lỏng, được đẩy đi, qua Van Tiết Lưu, rồi tiếp tục vào cục trong nhà, nhận nhiệt để hóa hơi từ dạng lỏng thành dạng hơi, rồi tiếp tục đi ra cục ngoài, rồi nhả nhiệt nhờ quạt gió làm mát cưỡng bức trở lại thành dạng lỏng, rồi về đầu hút của lốc nén.

2. Các lỗi thường gặp của điều hòa và cách khắc phục

Khi điều hòa nhà bạn hỏng thì thường nghĩ tới việc gọi thợ sửa điều hòa tại nhà tới để khắc phục. Tuy nhiên, việc gọi thợ sửa tới cũng có nhiều hạn chế như mất tiền, mất thời gian đợi, giá thành cao, cần phải chọn dịch vụ sửa điều hòa uy tín,... vậy nên, nếu bạn biết được lỗi cơ bản thì có thể sửa cũng như nắm được lỗi để không bị qua mắt khi sử dụng dịch vụ sửa điều hòa.

- Máy điều hòa không lạnh: nguyên nhân, không có sự trao nhiệt giữa chất tải lạnh với môi trường trong phòng

- Máy điều hòa không chạy chế độ lạnh: Xác minh lại trên remote điều khiển, SET lại chế độ lạnh. Nếu đã SET chế độ

lạnh mà không lạnh, thì kiểm tra đèn báo block nén, hiển thị trên máy. Có 3 trường hợp

- Đèn báo block đỏ, nhưng block không chạy: board khiển hư, hoặc block nén đã hỏng

Đèn báo block đỏ, block chạy, vẫn không lạnh: đa số trường hợp này là thiếu chất tải lạnh, hoặc dàn lạnh (cục đặt trong nhà) lâu ngày không vệ sinh.

- Thiếu chất tải lạnh: Trường hợp này bạn cần gọi công ty sửa điều hòa uy tín để nhờ người mang chất tải lạnh thay cho bạn

Trường hợp, đèn báo block không đỏ, chỉ cần kiểm tra tiếp điểm kết nối dây giữa giàn nóng với giàn lạnh.

15. MÃ LỖI ĐIỀU HÒA TOSHIBA VÀ CÁCH TRA CỨU

Cách tra cứu mã lỗi điều hòa

Và đây chính là cách kiểm tra mã lỗi điều hòa Toshiba bạn cần biết nhé!

Hướng điều khiển về phía bộ cảm biến dàn lạnh, dùng đầu bút bi hoặc que tăm nhấn giữ nút CHK trên điều khiển cho đến khi màn hình hiển thị hai số (00).

Nhấn tiếp nút lên/ xuống (trong vùng cài đặt thời gian {timer}). Mỗi lần nhấn như thế trên màn hình sẽ lần lượt hiển thị các mã lỗi, đồng thời dàn lạnh sẽ phát ra tiếng kêu “bíp” và đèn timer nhấp nháy liên tục. Cho đến lúc xác định đúng lỗi mà điều hòa gặp phải, lúc này dàn lạnh sẽ phát ra tiếng “Bíp” trong khoảng 10 giây và tất cả các đèn tại dàn lạnh đều nhấp nháy. Mã lỗi xuất hiện trên màn hình chính là lỗi hư hỏng của máy gặp phải.

Bảng mã lỗi điều hòa Toshiba

Sau khi đã kiểm tra được mã lỗi điều hòa, bước tiếp theo bạn cần làm đó là đối chiếu mã lỗi đó với bảng mã lỗi điều hòa Toshiba dưới đây để hiểu được ý nghĩa của mã lỗi thể hiện là gì nhé!

000C: Lỗi cảm biến TA, mạch mở hoặc ngắt mạch

000D: Lỗi cảm biến TC, mạch mở hoặc ngắt mạch

0011: Lỗi mô-tơ quạt

0012: Lỗi PC board

0013: Lỗi nhiệt độ TC

0021: Lỗi xoạt động IOL

0104: Lỗi cáp trong, lỗi liên kết từ dàn lạnh đến dàn nóng

0105: Lỗi cáp trong, lỗi liên kết tín hiệu từ dàn lạnh đến dàn nóng

010C: Lỗi cảm biến TA, mạch mở hoặc ngắt mạch

010D: Lỗi cảm biến TC, mạch mở hoặc ngắt mạch

0111: Lỗi mô-tơ quạt dàn lạnh

0112: Lỗi PC board dàn lạnh

0214: Ngắt mạch bảo vệ hoặc dòng Inverter thấp

0216: Lỗi vị trí máy nén khí

0217: Phát hiện lỗi dòng của máy nén khí

0218: Lỗi cảm biến TE, ngắt mạch hoặc mạch cảm biến TS hoặc TE mở

0219: Lỗi cảm biến TD, ngắt mạch hoặc cảm biến TD mở

021A: Lỗi mô-tơ quạt dàn nóng

021B: Lỗi cảm biến TE

021C: Lỗi mạch drive máy nén khí

0307: Lỗi công suất tức thời, lỗi liên kết từ dàn lạnh đến dàn nóng

0308: Thay đổi nhiệt bộ trao đổi nhiệt dàn lạnh

0309: Không thay đổi nhiệt độ ở dàn lạnh

031D: Lỗi máy nén khí, máy nén đang bị khoá rotor

031E: Nhiệt độ máy nén khí cao
031F: Dòng máy nén khí quá cao
04: Tín hiệu tiếp nối không trở về từ dàn nóng, lỗi liên kết từ dàn nóng đến dàn lạnh
05: Tín hiệu hoạt động không đi vào dàn nóng
07: Tín hiệu hoạt động lỗi giữa chừng
08: Van bốn chiều bị ngược, thay đổi nhiệt độ nghịch chiều
09: Không thay đổi nhiệt độ ở dàn lạnh, máy nén không hoạt động
0B: Lỗi mực nước ở dàn lạnh
0C: Lỗi cảm biến nhiệt độ phòng, lỗi cảm biến TA, mạch mở hoặc ngắt mạch
0D: Lỗi cảm biến trao đổi nhiệt, lỗi cảm biến TC, mạch mở hoặc ngắt mạch
0E: Lỗi cảm biến Gas
0F: Lỗi cảm biến làm mát trao đổi nhiệt phụ

11: Lỗi quạt dàn lạnh
12: Các lỗi bất thường khác của board dàn lạnh
13: Thiếu Gas
14: Quá dòng mạch Inverter
16: Bất thường hoặc bị ngắt mạch phát hiện vị trí ở cuộn dây máy nén
17: Lỗi mạch phát hiện dòng điện
18: Lỗi cảm biến nhiệt độ cục nóng, lỗi cảm biến TE, mạch mở hoặc ngắt mạch

19: Lỗi cảm biến xả của dàn nóng, lỗi cảm biến TL hoặc TD, mạch mở hoặc ngắt mạch
20: Áp suất thấp
21: Áp suất cao
25: Lỗi mô tơ quạt thông gió
97: Lỗi thông tin tín hiệu
98: Trùng lặp địa chỉ
99: Không có thông tin từ dàn lạnh
1A: Lỗi hệ thống dẫn động quạt của cục nóng
1B: Lỗi cảm biến nhiệt độ cục nóng
1C: Lỗi truyền động bộ nén cục nóng
1D: Sau khi khởi động bộ nén, lỗi báo thiết bị bảo vệ quá dòng hoạt động
1E: Lỗi nhiệt độ xả, nhiệt độ xả máy nén khí cao
1F: Bộ nén bị hỏng
B5: Rò rỉ chất làm lạnh ở mức độ thấp
B6: Rò rỉ chất làm lạnh ở mức độ cao
B7: Lỗi 1 bộ phận trong nhóm thiết bị thụ động
EF: Lỗi quạt gầm phía trước
TEN: Lỗi nguồn điện quá áp.

16. TỔNG HỢP MÃ LỖI ĐIỀU HÒA ELECTROLUX

- Lỗi: E1
Mở hoặc đóng mạch – soát và thay thế nếu cần thiết
Operation = Yes Hoạt động = Có
Flashing Display Timer = Yes Màn hình nhấp nháy Timer = Có
- Lỗi: E2
Dàn lạnh ống nhiệt điện trở lỗi: Open hay bị đóng mạch
soát và thay thế nếu cần thiết
Operation = Hoạt động
Flashing Display Timer = Màn hình nhấp nháy Timer =
Turbo = Yes Turbo = Có
- Lỗi: E3
Dàn lạnh quạt trục trặc động cơ
rà và thay thế nếu cần thiết
Operation = Hoạt động
Flashing Display Timer = Yes Màn hình nhấp nháy Timer =
Có
Turbo = Yes Turbo = Có
- Lỗi: E6
EPROM lỗi
Kiểm tra và thay thế nếu cần PCB
Operation = Yes Hoạt động = Có
Flashing Display Timer = Yes Màn hình nhấp nháy Timer = Có
Turbo = Yes Turbo = Có
LED Display = Flashing LED hiển thị = Flashing
Tùy chọn mã lỗi
Rà soát và mã mới đầu vào tùy chọn này nếu cần thiết
chuẩn điều khiển từ xa không dây
Operation = Yes Hoạt động = Có

Flashing Display Timer = Màn hình nhấp nháy Timer =
Turbo = Yes Turbo = Có

- Lỗi: Er – E1
Phòng đơn vị cảm biến nhiệt độ trong nhà lỗi (mở / tắt) rà
soát và thay thế nếu cần thiết.

17. MÃ LỖI ĐIỀU HÒA SANYO

- E01 Lỗi trong việc tiếp nhận tín hiệu giao tiếp nối tiếp (tín hiệu từ đơn vị trong nhà chính trong trường hợp kiểm soát nhóm) địa chỉ tự động không được hoàn thành địa chỉ ngoài trời hệ thống, địa chỉ hệ thống trong nhà, hoặc trong nhà đơn vị cá nhân / chính / phụ thiết lập không được thiết lập (cài đặt địa chỉ tự động không phải là hoàn thành)
- E02 Lỗi trong việc truyền tín hiệu giao tiếp nối tiếp
- E03 đơn vị trong nhà được phát hiện tín hiệu lỗi từ bộ điều khiển từ xa (và điều khiển hệ thống)
- E08 đơn vị trong nhà thiết lập địa chỉ được nhân đôi
- E09 thiết lập bộ điều khiển từ xa được nhân đôi
- E10 Lỗi trong việc truyền tín hiệu truyền thông nối tiếp
- E11 chính đơn vị trùng lặp đồng thời tác động điều khiển đa (được phát hiện bởi đơn vị ngoài trời)
- E14 Lỗi trong việc tiếp nhận tín hiệu truyền thông nối tiếp
- E04 Lỗi trong việc truyền tín hiệu truyền thông nối tiếp
- E05 Lỗi trong việc tiếp nhận tín hiệu truyền thông nối tiếp (bao gồm cả thất bại xác minh số lượng đơn vị)
- E06 Lỗi trong việc truyền tín hiệu truyền thông nối tiếp
- E07 công suất đơn vị trong nhà quá thấp
- E15 công suất đơn vị trong nhà quá cao
- E16 Không có đơn vị kết nối trong nhà
- E20 Lỗi trong việc truyền tín hiệu truyền thông nối tiếp
- E17 Lỗi trong việc tiếp nhận tín hiệu truyền thông nối tiếp
- E18 truyền thông thất bại với MDC

- E31 thiết lập nhóm dàn lạnh lỗi
- L01 trong nhà / ngoài trời kiểu đơn vị không phù hợp
- L02 chính đơn vị trùng lặp trong nhóm kiểm soát (được phát hiện bởi đơn vị trong nhà)
- L03 địa chỉ đơn vị ngoài trời sao chép (địa chỉ hệ thống)
- L04 Nhóm dây kết nối cho các đơn vị độc lập trong nhà
- L07 Địa chỉ không thiết lập hoặc nhóm không được thiết lập
- L08 công suất đơn vị trong nhà không được thiết lập
- Đơn vị công suất L09 ngoài trời không thiết lập hoặc thiết lập lỗi
- L10 Miswiring trong nhóm kiểm soát hệ thống dây điện
- L11 trong nhà kiểu đơn vị lỗi cài đặt (năng lực)
- L13 trần kết nối thất bại bằng
- P09 Fan nhiệt bảo vệ
- P01 chuyển đổi Float
- P10 rắc rối nhiệt độ xả
- P03 Mở giai đoạn phát hiện, rắc rối điện AC
- P05 Không khí
- P15 van 4 chiều bị khóa
- P19 tải làm mát cao
- P20 rắc rối fan ngoài trời
- P22 máy nén Inverter rắc rối (HIC PCB)
- P26 rắc rối máy nén Inverter (MDC)
- P29 đồng thời tác rắc rối đa kiểm soát
- Thất bại hiện tại P31 nén khí (quá tải)
- Cảm biến nhiệt độ trao đổi nhiệt trong nhà H01 (E1)
- Cảm biến nhiệt độ trao đổi nhiệt trong nhà F01 (E2)
- F02 cảm biến nhiệt độ trong nhà
- Nhiệt độ F10 Discharge (TD)
- Nhiệt độ F04 trao đổi nhiệt ngoài trời (C1)
- Nhiệt độ F06 trao đổi nhiệt ngoài trời (C2)
- F07 nhiệt độ không khí ngoài trời (TO)

- Nhiệt độ F08 Intake (TS)
- F12 lỗi EEPROM trong nhà
- F29 lỗi EEPROM ngoài trời
- F31 lỗi EEPROM ngoài trời

<https://dienlanhtrungthanh.blogspot.com/2015/10/ma-loi-iieu-hoa-tr-i-so-i-en-tro-sen-sor.html>

TỔNG HỢP MỘT SỐ MÃ NỒI ĐIỀU HOÀ CỦA CÁC HÃNG

MỘT SỐ VẤN ĐỀ KỸ THUẬT CẦN CHÚ Ý VỀ ĐIỀU HÒA PANASONIC

1. CÁC CHỨC NĂNG ĐIỀU HÒA PANASONIC MODEL TỪ 2009-2010 :

*Ga 410a :thành phần gồm ga R32 + R125 tỉ lệ 50/50% :Trước khi nạp phải hút chân không ,phải nạp lỏng (lắc trộn đều bình khi nạp)

*Chức năng E-ION : Có đầu phát ra ION âm (-)

*Chức năng lọc không khí : Nạp các ION âm vào trong các tấm lọc >Đề hút các hạt bẩn >Bắn vào vi khuẩn bằng các điện áp ,làm cho vi khuẩn yếu đi .(Khả năng hút bụi rất cao ở tĩnh điện)

*Tính năng PATROL (Lọc bụi tự động) : Cảm biến bụi ,tìm bụi để tự động bật chế độ hút bụi (Khi bật chế độ hút bụi ĐÈN MÀU XANH .Không bật chế độ hút bụi ĐÈN MÀU ĐỎ)

*Chức năng MILD DRY COOLING : Làm mát phòng nhưng vẫn giữ độ ẩm bảo vệ da

2. CHỨC NĂNG ĐIỀU HÒA MODEL 2011 :

*Chức năng ECO PATROL : Quan sát trong phòng có người hay không .Không có người tự động tăng tốc độ quạt >làm lạnh tăng lên 2độ C .Khi quạt chạy ở tốc độ trung bình cố định ,sẽ tiết kiệm điện được 20% định mức công suất máy .(Loại này cảm biến bằng hồng ngoại) Đèn hồng ngoại nhận xa 7 mét

và góc mở 90 độ (ECO 1 tiết kiệm 1Độ C > ECO 2 tiết kiệm 2 Độ C)

*Chức năng ECONAVI DUEL SENSOR : Ivector 2011 MODEL CS-SXX >MKCH

Có người tự động tăng tốc độ ,nhiệt độ > Có 2 mắt nhận biết bên trái và bên phải ,góc mở 180 Độ khả năng quan sát rộng hơn ,quan sát người trong phòng tùy theo khả năng vận động của cơ thể người .Để điều chỉnh nhiệt độ ,nhằm mục tiêu tiết kiệm điện năng .

*Chức năng ATOCOMFORT : Tự động điều chỉnh nhiệt độ theo sự vận động của cơ thể người

- Nếu vận động nặng giảm nhiệt độ xuống 1 Độ C

-Nếu vận động trung bình vẫn giữ nguyên chế độ bình thường .

- Nếu vận động ít nhiệt độ tăng lên 1 Độ C .

3. CHỨC NĂNG ĐIỀU HÒA PANASONIC NĂM 2012 :

NKH – 8 (có số 8 lắp ở Việt Nam ,không có số 8 lắp ở MALAIXIA)

*Có chức năng ECOVINA DUAL SENSOR : Có 2 mắt nhận hồng ngoại

- NANOE : Có đầu chất lượng của Malaixia

- Bỏ chức năng lọc bụi tĩnh điện

* NANOE : Là những hạt na no nước rất nhỏ 5-20 Nanomets .Các hạt Ion nhỏ 1000 lần so với các hạt Ion âm . Phát sinh bằng cách phóng điện bởi các thí nghiệm độc lập ,có tác dụng vô hiệu hóa các vi trùng và vi rút ,loại bẩn ,hạt lơ lửng trong không khí .

- Khử mùi .

- Hiệu ứng làm ẩm da và tóc .

- Kéo dài thời gian lưu trữ trái cây và rau quả làm tươi ngon lâu hơn .

- Máy lạnh Model mới NANO – G : Diệt khuẩn tới 99% vi khuẩn trong không khí .

* Chức năng mới tự tìm cường độ ánh sáng mặt trời trong phòng (hoặc các mảng sáng trong phòng) .Để giảm hoặc tăng nhiệt độ . Mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ .

* Chức năng dò tìm vị trí người ngồi và mức độ vận động của cơ thể người .

MỘT SỐ TƯ DUY ĐỂ SỬA CHỮA SẢN PHẨM

PHẦN

1. ĐỔI MÃ ĐIỀU KHIỂN MÃ A VÀ MÃ B – ÁP DỤNG CHO CÁC MODEL : GK(2007) ; HK (2008) ; JK (2009) ; KK (2010) :

Nút SET :

Công dụng 1 : Đổi mã điều khiển

Chọn mã bằng cách cắt hoặc nối cầu JA và JB trên board mạch của Remota (điều khiển) ta làm theo bảng sau :

MÃ	A (MẶC ĐỊNH)	B	C	D
CẮT NỐI JA	NỐI	CẮT	NỐI	CẮT
CẮT NỐI JB	CẮT	CẮT	NỐI	NỐI

- Dùng que tằm hay vật mũi nhỏ ,nhấn giữ SET trong 10 giây màn hình điều khiển sẽ hiện thị mã của Remota hiện thị thời gian .

- Sau đó hướng điều khiển về phía dàn lạnh (mặt lạnh) rồi nhấn TIMER SET để báo mã điều khiển mới cho máy lạnh ,nhấn giữ 2 giây nút này màn hình lại trở lại bình thường.

Công dụng 2 : Chỉnh độ nhạy của chức năng lọc bụi E-ION tự động PATROL .

-Nút ON/OFF : Công dụng

- Khi mất điều khiển ấn nút này trên mặt lạnh máy sẽ chạy chế độ ATOMATIC

- Nhấn và giữ 5 giây máy sẽ chạy chế độ cưỡng bức trong mọi trường hợp khi nhiệt độ môi trường thấp hơn nhiệt độ mặc định của điều khiển .

(Lợi dụng chức năng này ta có thể cưỡng bức cho máy chạy để kiểm tra các sự cố trên board mạch và hiện tượng hư hỏng của máy

TRỊ SỐ ĐIỆN TRỞ SEN SOR DÀN LẠNH VÀ PHÒNG ĐIỀU HÒA MỘT SỐ HÃNG THƯỜNG GẶP

Cùng các bạn tập hợp các trị số điện trở của các sen ser nhiệt độ dàn lạnh và nhiệt độ phòng

giúp cho thuận tiện tìm các linh kiện để mua và thay thế đúng chuẩn mực các sen sor đã hỏng.

chúng tôi xin giới thiệu trị số sen sor một số hãng thường gặp sau:

Điều hòa (máy lạnh) Inverter là gì?

Khái niệm điều hòa (máy lạnh) Inverter đơn giản là dòng máy lạnh sử dụng công nghệ hiện đại kĩ thuật số. Toàn bộ việc điều tiết độ lạnh trong phòng của máy được kiểm soát thông qua bộ mạch điện tử vì xử lí thông minh thay cho công nghệ sử dụng rơ le cảm biến nhiệt của các dòng máy lạnh thông thường.

Sau đây là 1 vài ưu và khuyết điểm của **điều hòa Inverter** được liệt kê như sau :

Ưu điểm:

Nói đến Inverter là trước tiên phải nói đến khả năng tiết kiệm điện vốn là sở trường của dòng này. Mức tiết kiệm điện dao động từ 30 – 90% điện năng so với các loại máy lạnh thông thường sử dụng công nghệ rơ le cảm biến nhiệt độ . Về khoản tiết kiệm điện này nếu so sánh với số tiền thanh toán hằng tháng chỉ bằng 1/3 so với dòng Non-Inverter thông thường

Điều đáng chú ý nhất là khả năng duy trì nhiệt độ phòng cực kì ổn định. Luôn duy trì được mức temp được Set sẵn trên Remote. Điều này sẽ khiến bạn không cảm thấy quá nóng hay quá lạnh khi xài công nghệ này. Đặc biệt là luôn tạo không khí dễ chịu và máy vận hành ở mức êm, yên ắng nhất ngay cả khi bạn ngủ.

Nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp cũng như những tính năng vượt trội về điều hoà không khí thì hiện nay máy lạnh dân dụng có trang bị thêm các tính năng như khử mùi (plasma), tạo ion giúp cho bầu không khí trong phòng bạn trở nên trong sạch và dễ chịu hơn.

Rất thích hợp cho người dùng nhạy cảm về nhiệt độ và cho những bé sơ sinh (nhiệt độ an toàn cho bé ở mức 28-29°C luôn luôn chính xác) Cho phép chạy ở mức 120-125% công suất khi phòng chưa đủ lạnh trong vòng 45-1h. Sau khi đủ lạnh thì sẽ giảm ở mức 50-75% công suất tùy theo bộ biến tần kiểm soát.



Điều hòa (máy lạnh) điều hòa Inverter đơn giản là dòng máy lạnh sử dụng công nghệ hiện đại kĩ thuật số.

Khuyết điểm:

Vì là dòng điều khiển hầu hết bằng các vi mạch điện tử nên máy rất khó chịu về điện áp. Điều kiện ban đầu khi lắp đặt máy là bạn phải đáp ứng đúng chuẩn điện áp mà nhà sản xuất đề ra - 5%. Cho nên khi lắp đặt Inverter bạn phải xác định được điện áp nguồn phải ở mức ổn định (có thể gắn ổn áp nếu cần thiết)

Vì là dòng điều khiển hầu hết bằng các vi mạch điện tử nên sẽ dễ hỏng hóc khi gặp thời tiết quá khắc nghiệt như cái nóng ban trưa như thiêu đốt, những ngày nóng ẩm liên tục. Mặc dù được thiết kế lắp đặt bên ngoài trời nhưng bạn cần phải chú ý vì nó chẳng khác gì chiếc máy tính cao cấp khi bị phơi mưa phơi nắng ngày đêm.

Tỉ lệ sửa chữa thành công và linh kiện thay thế thấp do linh kiện mới ko có mà chỉ là linh kiện cũ sàng lọc lại cho nhau.

Cụ thể hơn là nhà cung cấp hiện nay hầu hết chỉ bán nguyên máy chứ ko bán linh kiện lẻ.

Đòi hỏi chế độ bảo trì liên tục, định kỳ nhiều lần trong năm.

Không cho phép chạy trong phòng có điều kiện quá tải so với công suất máy.



Điều hòa inverter có tiết kiệm điện được hay không phụ thuộc vào thói quen sử dụng, nhiệt độ môi trường bên ngoài.

Điều hòa inverter: Tiết kiệm điện nhưng không như quảng cáo

Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tiên, Phó Chủ tịch Hiệp hội, giảng viên Đại học Bách Khoa Hà Nội cho biết, người mua sắm điều hòa Inverter hiện nay chịu một sự thiệt thòi lớn là không có cách nào kiểm chứng công suất làm lạnh của điều hòa ngoài việc chỉ biết dựa vào thông số của nhà sản xuất đưa ra. Bên cạnh đó, xét về mức độ tiết kiệm điện thì chưa đo đếm được vì phụ thuộc vào chế độ vận hành của máy. Tại Việt Nam cũng chưa có điều kiện đo kiểm chính xác điều hòa công nghệ này tiết kiệm điện bao nhiêu so với điều hòa công nghệ khác.

Mặc dù công nhận điều hòa inverter có tiết kiệm điện nhưng TS. Nguyễn Xuân Tiên khẳng định không thể tiết kiệm điện đến 60% như quảng cáo. Ngoài ra, điều hòa inverter có tiết kiệm điện được hay không phụ thuộc vào thói quen sử dụng, nhiệt độ môi trường bên ngoài.

"Điều hòa inverter cũng như điều hòa thông thường đều hoạt động theo nguyên tắc chung của chu trình máy lạnh nén hơi. Khả năng làm lạnh hay năng suất lạnh của máy phụ thuộc vào điều kiện vận hành: nhiệt độ/độ ẩm trong nhà, nhiệt độ/độ ẩm ngoài trời... Năng suất lạnh ghi trên máy là do nhà sản xuất đưa ra, xác định trong một điều kiện vận hành xác định", TS. Nguyễn Xuân Tiên giải thích. Thông thường, năng suất lạnh nhà sản xuất đưa ra ở điều kiện nhiệt độ trong nhà 24oC, và nhiệt độ ngoài trời là khoảng 32oC -35oC.

Năng suất lạnh của máy phụ thuộc điều kiện vận hành theo nguyên tắc: "Nhiệt độ ngoài trời càng cao thì năng suất làm lạnh càng giảm, nhiệt trong nhà càng thấp thì năng suất lạnh cũng càng giảm, đồng thời tiêu thụ điện tăng lên".

TS. Nguyễn Xuân Tiên cho biết điều hòa bình thường hoạt động theo chế độ đóng ngắt máy nén lạnh để duy trì ổn định nhiệt độ trong nhà. Còn đối với điều hòa inverter, bản chất là sử dụng bộ điều tần để thay đổi tần số dòng điện nhằm kiểm soát số vòng quay của máy nén lạnh và do đó, kiểm soát được năng suất của máy mà không cần đóng ngắt, khởi động lại máy nén lạnh – một quá trình làm tăng tiêu tốn điện năng.

Cụ thể, khi được bật lên, máy nén của điều hòa inverter bắt đầu chạy thật chậm và điều này giúp làm giảm lượng điện tiêu thụ trong quá trình hoạt động ban đầu này. Tốc độ vòng quay của máy nén tăng lên cho đến khi đạt đến nhiệt độ trong phòng mong muốn và duy trì ở tốc độ đó để duy trì nhiệt độ trong phòng ổn định. Với điều hòa thông

thường, máy nén sẽ luôn chạy ở tốc độ không đổi cho đến khi nhiệt độ trong phòng thấp hơn nhiệt độ mong muốn trước khi tự động dừng hẳn máy nén. Máy nén sẽ khởi động chạy tiếp khi nhiệt độ phòng tăng lên lớn hơn nhiệt độ mong muốn. Do đó, máy nén của máy điều hòa thường phải khởi động chạy - dừng liên tục để ổn định nhiệt độ, còn máy nén điều hòa inverter chạy liên tục ở tốc độ thấp hơn, duy trì ổn định nhiệt độ trong phòng tốt hơn, tiết kiệm điện hơn trong quá trình khởi động - dừng.

"Điều hòa inverter chỉ thực sự tiết kiệm điện, khoảng 10%-20%, khi chạy liên tục và điều kiện nhiệt độ ngoài trời không quá nóng như thế này (tầm 38 oC trở lên –PV)", TS. Nguyễn Xuân Tiên nói. "Nếu nhiệt độ môi trường bên ngoài quá cao, máy sẽ phải chạy liên tục ở 100% năng suất thì máy điều hòa biến tần không tiết kiệm điện so với máy không biến tần. Nói cách khác, khi phải chạy cao tải, điều hòa inverter không có tác dụng tiết kiệm điện, thậm chí còn tốn điện hơn do phải tốn điện cho bộ chuyển mạch inverter".

Về những phản ánh điều hòa inverter chạy êm hơn, lạnh sâu hơn và tiết kiệm điện như nói ở trên, TS. Nguyễn Xuân Tiên cho rằng đó có thể không phải do điều hòa inverter mà bản thân điều hòa của những hãng nổi tiếng như Daikin, Mitsubishi... đã có tiếng về tiết kiệm điện, chạy êm rồi. Ông khẳng định lại lần nữa, điều hòa inverter chạy không liên tục, một vài tiếng mỗi ngày, và điều kiện nhiệt độ bên ngoài quá nóng thì chắc chắn không thể tiết kiệm điện.

"Chỉ những công sở, nhà hàng, khách sạn sử dụng hệ thống điều hòa inverter – tức nhiều thiết bị điện trong đó có điều hòa đều tích hợp công nghệ inverter – hoạt động liên tục thì mới tiết kiệm điện đáng kể", TS. Nguyễn Xuân Tiên nói.

Nếu phải chạy cao tải, điều hòa inverter không có tác dụng tiết kiệm điện, thậm chí còn tốn điện hơn do phải tốn điện cho bộ chuyển mạch inverter.

Những ai nên mua điều hòa inverter?

Điều hòa inverter hiện nay đắt hơn so với điều hòa không inverter từ 2-3,5 triệu đồng. Chưa kể chi phí lắp đặt, thay gas tốn kém hơn. Bên cạnh đó, điều hòa inverter của các hãng khác nhau cũng có mức chênh lệch giá đáng kể.

Hiện điều hòa inverter của Daikin được nhiều người bán hàng, thợ sửa chữa khuyến nghị dùng nhất và giá cũng có thể nói là đắt nhất vì

sản phẩm điều hòa nổi tiếng của Nhật Bản này được sản xuất tại Thái Lan – một xuất xứ được người tiêu dùng ưa chuộng và tin cậy hơn so với xuất xứ từ Trung Quốc. Các thương hiệu điều hòa của Nhật Bản khác như Hitachi, Sharp, Panasonic, Fujitsu giá cũng thuộc dòng sản phẩm cao cấp. Điều hòa Samsung, LG cũng phổ biến bởi giá cả bình dân hơn.

Do điều hòa inverter đắt tiền hơn so với điều hòa thông thường nên nó phù hợp với những gia đình dư giả hơn. Còn với những ai cho rằng có chi một số tiền lớn ban đầu mua điều hòa inverter để hưởng thụ việc tiết kiệm hóa đơn điện hàng tháng trong chục năm trời cũng đáng thì nên nghĩ lại.

Đúng là điều hòa inverter tiết kiệm điện, nhưng nó phải ở trong điều kiện sử dụng liên tục và không chạy quá tải (nhiệt độ ngoài trời không quá nóng, nhiệt độ trong nhà đặt không quá thấp).

Cho nên, nếu gia đình bạn sử dụng điều hòa chỉ vào những ngày nắng nóng hoặc vào những thời điểm nhất định trong ngày như buổi tối thì với điều hòa thông thường và biết cách sử dụng thì cũng có thể tiết kiệm điện.

Cách sử dụng điều hòa tiết kiệm điện là rất đơn giản: Nên đặt dàn nóng (dàn bên ngoài) ở nơi thoáng mát. Vệ sinh, rửa dàn ống, cánh quạt dàn nóng; vệ sinh bộ lọc khí, dàn ống dàn lạnh ít nhất 6 tháng/lần hoặc vào đầu mùa nóng. Khi vận hành nên cài đặt nhiệt độ trong phòng khoảng 26-28 oC, chỉ đủ để cảm thấy mát và dễ chịu. Không nên đặt nhiệt độ cho máy quá thấp. Nếu máy chạy lâu mà không thấy mát thì cần gọi kỹ thuật viên để kiểm tra, bảo dưỡng máy.

Một sai lầm người sử dụng điều hòa thường mắc phải là khi bật điều hòa, người dùng thường đặt nhiệt độ ngay ở mức thấp nhất 16 oC để làm phòng mát nhanh. Thực tế, công suất của máy lạnh có giới hạn, khi trong phòng không đủ mát tức là máy lạnh không đủ sức làm mát cho phòng, dù cho chọn nhiệt độ 25oC hay 16oC cũng không thể thay đổi nhiệt độ thực tế.

Lưu ý khi sử dụng :

Sai lầm mà nhiều người mắc phải nhất khi dùng điều hòa inverter là tắt máy ngay khi nhiệt độ phòng đạt mức yêu cầu, sau đó bật lại khi độ mát trong phòng giảm bớt. Máy nén của điều hòa inverter duy trì hoạt động liên tục ở mức thấp và ổn định khi đủ nhiệt, từ đó giúp tiết kiệm tối đa, đồng thời duy trì nhiệt độ luôn ổn định.

Bởi vậy, điều lưu ý đầu tiên với người sử dụng là bạn không nên tắt điều hòa khi nhiệt độ phòng đạt đến mức nhiệt độ yêu cầu mà nên duy trì sử dụng, vừa đảm bảo duy trì nhiệt độ phòng, vừa phát huy tối đa tính năng tiết kiệm điện của điều hòa inverter.

Ngoài điều kiện về thời gian sử dụng, người tiêu dùng cũng nên chú ý đến các điều kiện khác để máy điều hòa nhiệt độ sử dụng công nghệ biến tần có thể phát huy tối đa khả năng tiết kiệm điện. Cũng giống như điều hòa thông thường, để đạt được hiệu quả nhất khi sử dụng máy điều hòa biến tần inverter thì người sử dụng cũng nên chú ý các điều kiện về công suất máy ứng với không gian phòng.

Ví dụ như máy có công suất 9.000BTU sẽ phù hợp cho phòng có diện tích dưới 15m², độ cao trần khoảng 3m, phòng từ 15 - 20m² thì nên dùng máy 12.000BTU. Người sử dụng cũng nên chú ý là phòng phải kín. Với các phòng có nhiều thiết bị phát nhiệt như bếp hay phòng làm việc, phòng có mặt tường tiếp xúc nhiều với hướng nắng nóng chiếu thì hiệu suất của máy cũng sẽ giảm, bởi vậy nên chọn điều hòa có công suất cao hơn tiêu chuẩn một chút để cân đối.

A MÁY GIẶT TOSHIBA D950S CÓ NƯỚC TRONG LỒNG GIẶT KHI CHỌN VẮT CỰC KHÔ.

Abrasive powder Bột nhám.

Abscicca Hoàn độ.Đoạn nằm ngang theo chiều và hướng trên đồ thị.

absolute pressure Áp suất tuyệt đối.tổng số áp suất đồng bộ và áp suất không khí vào bất cứ lúc nào,thí dụ nếu đồng hồ chỉ 164.5 lbs/in² (psi) thì áp suất tuyệt đối là 164.5+14.7 hay 179.2 lbs/in².

Absolute temperature Nhiệt độ tuyệt đối.Nhiệt độ của một chất đo được kể từ 0 tuyệt đối trở lên.

Air fillter bộ lưới lọc.

chay nuoc máy lạnh âm trần dàn trao đổi nhiệt bản,lưới lọc bụi bản đường nước ngưng tắc phao nước,bơm nước hỏng ,ket.

DE MÁY GIẶT LG (door)LỖI CỬA MỞ,DÂY TÍM NỐI ĐẾN BOARD,PHAO,CẢM BIẾN TỪ.

den Alarm nhap nhay máy lạnh funiki CC24M,CH24M Lỗi van phao.

den def/fan nhap nhay máy lạnh funiki CC24M,CH24M Lỗi cảm biến dàn ngoài trời.

den nhap nhay lien tục tu lạnh DEAWOO VR-160P máy nén và quạt gió ko hoạt động nguyên nhân điện áp ko ổn định làm hỏng biến áp dẫn đến làm hỏng IC5(1L0380R)khi thay thế phải thay luôn biến thế.

den nhap nhay lien tục tu lạnh DEAWOO VR-160P Điện áp cấp cho tủ quá yếu hoặc ko ổn định bạn hãy khắc phục bằng cách thay điện trở R6 trong mạch 10 Ohm thay thế bằng điện trở 47 Ohm 0.25w thay thế cầu chì nguồn 1.6 A qua 3.15 A. den operation nhap nhay máy lạnh funiki CC24M,CH24M Lỗi cảm biến dàn.

"Đèn RUN sáng liên tục (đèn timer chớp 02 lần)" máy lạnh MITSUBISHI HEAVY

"SRK10CEV-4

SRK13CEV-4

SRK18CEV-4

SRK24CEV-5" Lỗi dàn nóng.máy nén bị lỗi,kapa bị hư,thiếu gaz.

-den Run xanhnhap nhay máy lạnh funiki CC24,CH24 công tắc cửa hút hồng van phao nước kẹt.

-den Run xanhnhap nhay máy lạnh funiki FC45S,FH45S Lỗi cảm biến không khí 10kOhm hoặc cảm biến dàn trong nhà 10KOhm(máy chạy theo chu kỳ chạy 40p,ngắt 10p)lỗi bảo vệ nhiệt độ cao hoặc chống đông bằng dàn trong nhà(block ko hoạt động)mất gaz,hoặc cảm biến cao áp,thấp áp bị hỏng,bảo vệ pha bị hỏng hoặc bị lộn pha.

"Đèn TIMER sáng liên tục (đèn RUN chớp 01 lần)" máy lạnh MITSUBISHI HEAVY

"SRK10CEV-4

SRK13CEV-4

SRK18CEV-4

SRK24CEV-4" Senso thân dàn bị sự cố,(đứt lỏng chân cắm)

"Đèn TIMER sáng liên tục

(đèn RUN chớp 02 lần)" máy lạnh MITSUBISHI HEAVY

"SRK10CEV-4

SRK13CEV-4

SRK18CEV-4

SRK24CEV-4" Senso gió hồi bị sự cố.

"Đèn TIMER sáng liên tục

(đèn RUN chớp 06 lần)" máy lạnh MITSUBISHI HEAVY

"SRK10CEV-4

SRK13CEV-4

SRK18CEV-4

SRK24CEV-4" Motor quạt dàn lạnh bị sự cố(motor bị lỗi,board bị lỗi).

den timer xanh nhap nhay máy lạnh funiki CC24M,CH24M Lỗi cảm biến không khí.

C1 MÁY LẠNH MITSHUSTAR DÒ NHIỆT ĐỘ PHÒNG

C2 MÁY LẠNH MITSHUSTAR DÒ GAZ

C2 máy giặt HITACHI ko xả hết nước.

C3 máy giặt HITACHI máy ko vắt,chưa đóng nắp,công tắc cửa hồng,dây điện từ board đến công tắc cửa đứt.

C4 máy giặt HITACHI máy ko vắt,đồ trong thùng không cân bằng.

C8 máy giặt HITACHI ko khóa được nắp,coi đóng nắpchưa,kiểm tra công tắc cửa.

C9 máy giặt HITACHI ko mở được nắp,kiểm tra công tắc cửa.

chạy 40 phút,ngắt 10phút

E01 máy lạnh funiki FC45M,FH45M lỗi cảm biến không khí 10 Kohm(cắm mọi hoạt động).

E02 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Hồng cảm biến bảo vệ nhiệt độ cao dàn trong nhà(block ko chạy)kiểm tra cảm biến,kiểm tra gaz.

E2 Error = OVERFLOW LỖI

Nước được cung cấp liên tục do một vịnh van kém. Thay đổi các cửa van.

Các cửa van là bình thường, nhưng cảm biến cấp độ nước thay đổi cảm biến mực nước

(Cảm biến áp suất) là kém hơn. (Cảm biến áp suất).

Liều công động cơ không làm việc. (Động cơ công là một sản phẩm kém hoặc bị phá vỡ.) Thay đổi động cơ công.

E02 máy lạnh funiki FC,FH45 chỉ chạy quạt trong nhà,lỗi van áp suất thấp,áp suất cao,lệch pha.

E02 máy lạnh funiki FC45M,FH45M lỗi cảm biến dàn 10kOhm(cắm mọi hoạt động).

E03 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Hồng cảm biến bảo vệ chống đông bằng dàn trong nhà(block ko chạy),kiểm tra cảm biến,kiểm tra gaz.

E03 máy lạnh funiki FC45M,FH45M Lỗi cảm biến dàn ngoài trời 10 kOhm,có thể đấu tắt lại máy vẫn chạy bình thường.

E4 - lỗi quạt giàn lạnh :bị kẹt hoặc chết

E5 - lỗi cảm biến không khí : đứt hoặc chập hoặc lỏng rắc

E6 - lỗi cảm biến nhiệt độ zàn: đứt hoặc chập hoặc lỏng rắc

E9 - máy thiếu ga hoặc lẩn âm hoặc điện áp thấp hơn 190v hoặc cảm biến zàn sai trị số

E4 Thông báo =

Lỗi rò rỉ = ERROR

Nguyên nhân & Giải pháp rò rỉ nước từ bồn tắm hay cống ống. Kiểm tra rò rỉ của bồn tắm hoặc ống cống. Sau đó thay đổi bồn tắm hoặc ống cống.

E04 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Lỗi bảo vệ mất gaz,(chỉ chạy quạt trong nhà)tìm chỗ hở và nạp thêm gaz.

E05 máy lạnh funiki FC,FH45 "Lỗi cảm biến dàn(chạy 45p,ngắt 10p)

lỗi cảm biến không khí."

E06 máy lạnh funiki FC,FH45 Lỗi cảm biến dàn(chạy 45p,ngắt 10p).kiểm tra đầu dò 10kOhm và jack cắm.

E06 máy lạnh funiki **FC45M,FH45M** Lộn pha,bộ bảo vệ pha có sự cố kiểm tra áp suất cao và áp suất thấp do nghẹt cáp,dư gaz,thiếu gaz.

E07 máy lạnh funiki **FC,FH45** Lỗi cảm biến dàn ngoài trời,kiểm tra đầu dò 10kOhm và jack cắm,có thể đấu tắt đầu dò ở board mạch điều khiển.

E09 máy lạnh funiki **FC,FH45** *chỉ chạy quạt trong nhà,mất gaz hoặc cảm biến dàn trong nhà(10kOhm)sai trị số.*

E1 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Lỗi cảm biến không khí(cắm mọi hoạt động).

E1 máy giặt Funiki,Sanyo,VTB ko vào nước.

E1 máy lạnh funiki FC,FH24m Lỗi cảm biến không khí(cắm mọi hoạt động).

E1 MÁY LẠNH TCL Hư cảm biến dàn.

E2 máy lạnh Gree Bảo vệ chống đông.

E2 máy lạnh funiki FC24M,FH24M,FC27M, FH27M Lỗi cảm biến dàn.

E2 máy lạnh funiki FC45D,FH45D Lỗi cảm biến dàn trong nhà.

E2 MÁY LẠNH TCL Đứt R119(10kohm) nối tiếp nguồn 5v qua chân xung của quạt vào ic. .

E3 máy lạnh Gree Bảo vệ áp suất thấp.

E3 máy giặt funiki, VTB, toshiba Đồ giặt bị lệch, ốc lồng bị lỏng, vành cân bằng bị hở, bộ ly hợp bị lỏng, công tắc cửa bị mất lò xo (do má vít bị nhíp) đứt dây công tắc, kẹt cần gạt an toàn... Thường mất cân bằng lần thứ 3, đồ bị lệch, máy dễ nghiêng, mới báo lỗi.

E4 MÁY LẠNH ALASKA SENSO, CẢM BIẾN DÀN.

E4 máy lạnh funiki Cánh quạt lồng sóc ko quay, kẹt, hỏng quạt, bạn có thể tạo xung giả đánh lừa board mạch, để tận dụng quạt dàn lạnh.

E4 máy lạnh Gree bảo vệ nhiệt độ đường đi.

E5 *MÁY LẠNH FUNIKI đứt hoặc chạm cảm biến không khí, hoặc jack cắm bị lỏng, hỏng.*

E5 máy lạnh funiki FC24, FH24, FC27, FH27 Sai cảm biến dàn hoặc thiếu gaz trong hệ thống, trị số cảm biến dàn ở 4.5-5kOhm.

E5 máy lạnh funiki FC4D, FH45D Lỗi cảm biến không khí (chạy 45p, ngắt 10p).

E6 MÁY LẠNH FUNIKI SENSO, CẢM BIẾN DÀN.

E6 máy lạnh Gree đường truyền tín hiệu thất bại.

E6 máy lạnh funiki FC24, FH24, FC27, FH27 lỗi cảm biến không khí (chạy 45p, ngắt 10p).

E6 máy lạnh funiki FC45D, FH45D Lỗi cảm biến dàn (máy chạy 45p, ngắt 10p).

E6 máy lạnh funiki Đứt hoặc chập cảm biến dàn lạnh, hoặc jack cắm lỏng, nếu ko có cảm biến có thể bạn mắc nối tiếp R 6.5k với đầu dò đồng đầu dò dàn lạnh.

E6 MÁY LẠNH TCL Hư xung quạt.

E7 máy lạnh funiki FC24, FH24, FC27, FH27 Kiểm tra cảm biến dàn, dây và jack cắm (chạy 45p, ngắt 10p).

E9 máy lạnh funiki Máy bị mất gaz hoặc lẫn ẩm trong đường ống, điện áp yếu dưới 185v, cảm biến dàn sai trị số có thể nối tiếp điện trở 6.5k, cũng có lúc hỏng mạch.

EO bếp điện từ không nổi hoặc nổi không đúng.

Evaporator Dàn lạnh, dàn bay hơi.

F002 TỦ LẠNH HITACHI LỖI MOTOR (HẾT NƯỚC LÀM ĐÁ NÉN).

F004 TỦ LẠNH HITACHI LỖI MẠCH XÃ ĐÁ.

F012 TỦ LẠNH HITACHI LỖI MOTOR QUẠT DÀN LẠNH.

F013 TỦ LẠNH HITACHI LỖI MOTOR LÀM ĐÁ TỰ ĐỘNG.

F019 TỦ LẠNH HITACHI LỖI BỘ LẤY ĐÁ Ở NGOÀI.

F020 TỦ LẠNH HITACHI LỖI KẾT CẤU BOARD CHÍNH VÀ BOARD PHỤ.

F021 TỦ LẠNH HITACHI LỖI PHẦN MỀM CỦA BOARD CHÍNH.

F101 TỦ LẠNH HITACHI LỖI SENSOR, CẢM BIẾN NGĂN ĐÁ.

F102 TỦ LẠNH HITACHI LỖI CẢM BIẾN NGĂN LỌC.

F103 TỦ LẠNH HITACHI LỖI CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ BÊN NGOÀI.

F104 TỦ LẠNH HITACHI LỖI KHÔNG XÃ ĐÁ.

F105 TỦ LẠNH HITACHI LỖI CẢM BIẾN LÀM ĐÁ TỰ ĐỘNG. .

F301 TỦ LẠNH HITACHI LỖI NGĂN ĐÁ KO LẠNH.

F302 TỦ LẠNH HITACHI LỖI NGĂN LẠNH KO LẠNH.

F7 máy lạnh deawoo cảm biến dàn, phòng, gaz.

FC máy lạnh funiki kẹt nút nhấn reset.

FF4 máy lạnh funiki FC,FH27G Lỗi cảm biến bảo vệ nhiệt độ cao(chuột đồng 5 kOhm)(cắm mọi hoạt động)ko quên kiểm tra jack cắm chuột đồng,kiểm tra lại gaz.

FF7 máy lạnh funiki FC,FH27G Lỗi cảm biến không khí(cắm mọi hoạt động),điện trở cảm biến 5 kOhm.

FF8 máy lạnh funiki FC,FH27g Lỗi cảm biến dàn,(chuột đồng 5kOhm)kiểm tra gaz,jack cắm.

FO máy lạnh Gree Lỗi cảm biến nhiệt độ phòng.

H11 MÁY LẠNH NATIONAL INVERTER KHÔNG LIÊN LẠC GIỮA CỤC NÓNG VÀ CỤC LẠNH,ĐO 1-2:220VAC,ĐO 2-3:15->20VAC HOẶC 40->60VDC LÀ TỐT HOẶC ĐO KIM LÊN RỒI XUỐNG LÀ TỐT.

H14 máy lạnh panasonic indoor air intake sensor,check resistance (Ohm)of the sensor.

H15 máy lạnh panasonic Outdoor camp temp sensor.

H16 máy lạnh panasonic ko có dòng điện qua biến dòng trên board cục nóng,dòng điện nhỏ hơn 2A trong 20giây,lắp lại 3 lần trong 20p,đứt biến áp,mất gaz,hư block(tút hơi)

H19 máy lạnh panasonic Quạt lạnh hỏng,chạy quá tốc độ 5s ngắt chạy lại sau 7 lần máy ngắt luôn,chạy chậm hoặc tăng rất nhanh quạt hư,áp dụng cho tất cả máy lạnh panasonic.

H23 máy lạnh panasonic Indoor REF.PIPE sensor.

H27 máy lạnh panasonic Outdoor Air Intake sensor.

H28 máy lạnh panasonic Outdoor REF.PIPE sensor.

H30 máy lạnh panasonic CU-s18 Outdoor Comp DISCHARGE sensor,only for CU-S18

H33 máy lạnh panasonic Lỗi đầu nhâm dây giữa cục nóng và cục lạnh.

H90 máy lạnh panasonic lỗi mạch PFC,mạch tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường thay board mới.

H91 máy lạnh panasonic Lỗi do mất gaz,Block TUT HƠI(áp ra cao,áp về thấp).

H95 máy lạnh panasonic Nhiệt độ dàn nóng cao trên 60oC dàn nóng dơ bẩn,dòng qua block cao,quạt nóng hư dư gaz,ko giải nhiệt kịp.

H96 máy lạnh panasonic IPM quá nhiệt,dùng quạt giải nhiệt cho IPM nếu ko được thì thay board.

H97 máy lạnh panasonic Block quá nóng >112oC,dàn nóng dơ,quạt dàn nóng hư,thiếu gaz,(ko có gaz trên đường hơi về làm mát máy)

H97 máy lạnh panasonic CU-S18HKH,CU-S24HKH Quạt ngoài hư (fan DC).

H98 máy lạnh panasonic Nhiệt độ dàn nóng cao trên 60oC dàn nóng dơ bẩn,dòng qua block cao,quạt nóng hư dư gaz,ko giải nhiệt kịp.

H99 máy lạnh panasonic máy ngắt chống đóng băng dàn lạnh,sensor báo dưới 2oC trong 6p,kiểm tra dàn lạnh dơ,quạt yếu,ít gaz,đóng băng dàn,bị chặn gió ra.

H99 máy lạnh panasonic Xung qua 3 cuộn dây,block vượt định mức 7 lần trong 30giây máy ngắt.Đo U/V;V/W;W/U 170/180 VAC(ba giá trị trên phải bằng nhau).Đo U/N;W/N;V/N:~160VDC .Đo U/V;V/w;W/u:từ 0.8/1.5 Ohm kiểm tra cách điện với vỏ máy.

MÃ LỖI HỆ THỐNG điều hoà

MÃ LỖI HỆ THỐNG VRV DAIKIN

AO Lỗi do thiết bị báo về bên ngoài Lỗi do bo dàn lạnh

A1 Lỗi do bo mạch -Thay bo mạch dàn lạnh

A3 Lỗi do hệ thống điều khiển mực nước xả (33H)

A6 Một quạt bị hỏng,quạt quá tải (MF)

A7 Moto đảo gió bị hỏng

AF Lỗi mức thoát nước xả dàn lạnh .

A9 Lỗi van tiết lưu điện tử (20

C6 Lỗi do cảm biến nhiệt trao đổi ở dàn lạnh .

C5 Lỗi do cảm biến nhiệt độ ở dàn trao đổi nhiệt đường ống gió trời

C9 Lỗi cảm biến nhiệt gió hồi .

E5 Lỗi do động cơ máy nén Inverter Máy nén Inverter bị kẹt , bị dò điện lỗi cuộn dây .

- * Bị lỗi pha (U,Y,W) .

- * Lỗi boar biến tần .

- * Van chặn chưa mở .

- * Chênh lệch áp suất cao khi khởi động (>0.5 Mpa)

E6 Lỗi do máy nén thường bị kẹt hoặc bị quá dòng . * Van chặn chưa mở .

- * Dàn nóng giải nhiệt không nổi .

- * Hơi động cơ bị lỗi .

- * Hỏng máy nén Inverter .

Cảm biến dòng bị lỗi .

E4 Lỗi do sự tác động của cảm biến hạ áp . * Áp suất thấp < 0.05 Mpa

Lỗi cảm biến áp suất thấp .

Lỗi bo mạch dàn nóng .

Van chặn không mở .

E7 Lỗi ở một quạt dàn nóng* Lỗi kết nối quạt và boar mạch dàn nóng . Quạt bị kẹt . Lỗi moto quạt dàn nóng .

F3 Nhiệt độ đường ống đẩy không bình thường . Lỗi kết nối cảm biến nhiệt độ ống đẩy .

Cảm biến nhiệt độ ống đẩy bị lỗi hay đặt sai vị trí . Lỗi boar mạch dàn nóng .

H7 Tín hiệu từ moto quạt dàn nóng không bình thường Lỗi quạt dàn nóng . Boar Inverter quạt bị lỗi . Dây truyền tín hiệu bị lỗi .

H9 Lỗi ở đầu cảm biến nhiệt độ (R1T) Lỗi cảm biến nhiệt độ gió bên ngoài

J2 Lỗi do cảm biến dòng điện Kiểm tra cảm biến dòng điện . Do dàn nóng bị lỗi

J3 Lỗi do cảm biến nhiệt độ đường ống ga đi . Lỗi cảm biến nhiệt độ đường ống đẩy .Lỗi do dàn nóng .Lỗi kết nối của cảm biến nhiệt độ .

C7 Lỗi do cảm biến nhiệt độ Remoter điều khiển . Lỗi do cảm biến nhiệt độ điều khiển Lỗi bo Remoter điều khiển

E1 Lỗi boar mạch Thay bo mạch dàn nóng .

E3 Lỗi do tác động của công tắc áp suất cao Kiểm tra áp suất cao dẫn tới tác động công tắc áp suất cao. Lỗi công tắc áp suất cao . Lỗi boar dàn nóng Lỗi cảm biến áp lực lỏng . Lỗi do mất điện đột ngột